SỐ 24: 1 NOVEMBRE 1942

THANH-NGHỊ

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

— Chính thể đại nghị — PHAN ANH

— Văn chương trong hội họa — TÔ NGỌC VÂN

— Xã-hội Việt-Nam từ thế kỷ thứ XVII — NG. TRỌNG PHẤN

— Dấu cũ Loa Thành — NG. VĂN HUYÊN

— Đọc lửa thiêng của Huy Cận — TRƯƠNG CHÍNH

— Mỹ từ Pháp trong văn chương Pháp và văn chương Việt-Nam: Nhạc điệu trong thơ — VŨ BỘI LIÊU

— Danh văn ngoại quốc: Thanh niên lập chí *Tôn dật Tiên* — PHAN QUÂN dịch

— Bức thư của bà Nữ-hoàng *(truyện dịch)* — PHẠM GIA KÍNH

— Bạn đọc dịch: Khuyên bạn — NG. VĂN HÀ dịch

— Mặt trận Đại-tây-dương — ĐỖ ĐỨC DỤC

— Đọc sách mới — V. V.

TÒA BÁO : 102 PHỐ HÀNG BÔNG HANOI. GIẤY NÓI 672. GIÁ : 0$25

3 tháng: 1$50; **6** tháng: 2$80; **12** tháng: 5$40

Báo THANH-NGHỊ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẶT TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN CHÍNH — PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong số 16 Novembre 1942

— Nhân cuộc cải-cách giáo-dục ở Pháp, một vài ý-nghĩ . . .	VŨ ĐÌNH HÒE
— Cuộc tiến hóa của chế độ tư bản ở Âu Mỹ	VŨ VĂN HIỀN
— Chính-thể độc-tài	PHAN ANH
— Một cuộc tranh-biện về vấn-đề xã hội — sử nước Tàu. . .	ĐẶNG THÁI MAI
— Lược khảo về sự ăn-uống của người Việt-Nam	NGUYỄN ĐÌNH HÀO
— Tư-tưởng về nghệ-thuật (của Osca-Wilde)	DIỆU ANH dịch
— Một nhà văn Mỹ ở Á-đông: Lafcadio Hahn	LÊ HUY VÂN
— Lối điệp-ngữ trong văn-chương Pháp và Việt	VŨ BỘI LIÊU
— Mặt trận Đại-tây-dương	ĐỖ ĐỨC DỤC
— Xã-hội Việt-Nam từ thế kỷ thứ 17	NGUYỄN TRỌNG PHẤN
— Đọc sách mới	L. H. V.

BÁO THANH-NGHỊ SẼ IN LẠI NHỮNG SỐ CŨ

Chúng tôi nhận được rất nhiều những bức thư của các bạn đọc gửi về yêu cầu chúng tôi in lại những số Thanh nghị cũ. In lại những số đó *(từ số 1 đến 15)*.

Để tạ lòng hâm mộ của các bạn, chúng tôi đang trù tính *in lại những số đó vào khoảng cuối năm tây này*.

Bài vở sẽ ghép lại và sếp đặt thành đề mục. Tất cả các số cũ bỏ những quảng cáo đi, sẽ đóng thành như một *cuốn sách*, giá bán chỉ xin đủ tiền giấy và tiền in. (vào khoảng 5 hay 6$00)

Vậy các bạn đọc và đại lý nào muốn mua bao nhiêu cuốn *xin cho biết ngay*. Khi nào số đặt mua tới số dự định tối thiểu, chúng tôi sẽ bắt đầu công việc ấn loát. — Thanh-Nghị.

SÁCH MỚI

Charle Maurras của Phạm Quỳnh nhà in A. J. S. Huế xuất bản Tòa Thông tin phủ Toàn quyền gửi tặng.

Chuyện quê của Trần Tiêu nhà xuất bản Lượm lúa vàng giá 1$00.

Jésus christ của nhà xuất bản Lượm lúa vàng giá 0$60.

Chuyện vô lý của Lãng nhân nhà xuất bản Mới giá 1$20

Được tin trong Nam Kỳ, Ông Đặng ngọc Anh mới cho xuất bản tờ tạp chí Tây Á ra mỗi tháng 2 kỳ. Tập mới đã ra ngày 20 octobre 1942.

Xin có lời chào bạn đồng nghiệp và giới thiệu cùng bạn đọc.

T. N.

SẮP CÓ BÁN BÀI HÁT

PHỤNG MỆNH QUÂN VƯƠNG

BẢN THỨ HAI

CỦA BỘ VIỆT NAM NHẠC PHỔ

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó sẽ thành sự thực nếu các ngài bỏ 1$00 mua VÉ SỐ SỐ ĐÔNG-DƯƠNG

CHÍNH THỂ ĐẠI NGHỊ

PHAN ANH

TA có thể tóm tắt định-nghĩa chính-thể đại nghị ở hai yếu điểm sau này :

1·) Quyền lập-pháp giao cho một hội nghị do dân cử.

2·) Quyền hành-chính giao cho một hội-đồng tổng-trưởng do hội-nghị trên kia ưng-chuẩn.

Người ta thường nói rằng : chính-thể đại nghị là một chính-thể, trong-đó, cơ-quan hành-chính, hội-đồng tổng-trưởng chịu trách-nhiệm trước nghị-viên lập-pháp, như thế nghĩa là nội-các phải được tín-nhiệm của nghị-viên, hễ mất tín nhiệm ấy tức thì phải từ-chức.

Xem thế thì biết cơ-quan lập-pháp có một thế lực rất mạnh, cho nên ở nước Anh là đất tổ của chính-thể đại-nghị, người ta thường nói : «nghị viên làm gì cũng được, chỉ trừ ra làm đàn-ông hóa thành đàn-bà. »

Chính-thể đại-nghị, khởi thủy xuất-hiện ở nước Anh, sau « nhập cảng » sang nước Pháp, rồi sau cuộc Đại-chiến 1914-1918, lan ra nhiều nước khắc ở hoàn-cầu : như một cây nho giống ở đất khác nhau, sinh ra mỗi nơi một thứ quả hoặc chua hoặc ngọt tùy theo thủy thổ từng nơi. Chính thể đại-nghị cũng thế, đem ra thi-hành hiệu-nghiệm ở mỗi nước một khác tùy theo, tâm-tính, phong tục cùng là trình-độ tiến hóa của dân-tộc.

* * *

Chính-thể đại-nghị ở nước Anh. —

Chính-thể lập hiến của nước Anh có thể tóm tắt ở mấy đặc-điểm sau này :

1·) Đứng đầu cơ-quan hành chính là Anh-Hoàng, truyền ngôi theo thế-hệ trong Hoàng gia — Nhưng thực ra, thì Anh-hoàng chỉ có vị mà không có quyền, chỉ đại-diện cho quốc-dân chứ không có trách-nhiệm về hành-chính. Trách-nhiệm hành-chính hoàn toàn ở tòa nội-các nghĩa là trong tay vị thủ-tướng — Vua chỉ có một địa-vị về tinh thần, như lá quốc-kỳ, rất cao-quý, rất thiêng-liêng nhưng không có một thực-quyền gì. Ông Joseph Barthelemy, hiện là tổng-trưởng bộ tư pháp của nước Pháp có ví vua nước Anh với những bùa thánh giá ở trước cửa nhà hay là những hình thiêng khắc ở mũi thuyền, tầu — Ông Bernard Shaw, một kịch-gia có tiếng ở nước Anh, về thế kỷ 19, cho ra mắt khán-giả một vị vua tự mình giới thiệu rằng «Ta chỉ là một đóa hoa-hồng mà hoàng-hậu cũng chỉ là một bắp-cải. »

2·) Quyền lập-pháp giao cho hai viện : Thứ-dân viện (chambre des Communes) và quý-tộc-viện (chambre des lords).

Thứ dân viện có hơn 600 nghị viên do toàn-thể dân cử ra, và trong nước bất cứ đàn ông hay đàn bà, hễ đến 21 tuoi giở lên đều có quyền bầu cử — Quý-tộc viên có chừng 700 vị phần đông, là những nhà quý-phái có chức vị thế truyền. —

Về thế-lực và quyền hành thì Thứ-dân viện chiếm hẳn phần hơn, và ở một vài trường hợp thi dụ như về tài-chính thì viện ấy có toàn-quyền. —

Vì thế cho nên, một vị thủ-tướng nếu được đa số thứ dân viện tín nhiệm thì có thể cầm quyền hành-chính, và những vấn-đề quan trọng như việc phế-lập nội các phần nhiều đều do thứ dân viện định-đoạt.

3·) Ở nghị-viện thường thường chỉ có hai chính đảng quan-trọng tranh, cho nên hễ một đảng đã chiếm được đa số trong nghị-viện thì cầm quyền hành-chính mãi mãi cho đến khi có cuộc tái cử đem thắng số cho đảng kia — Vì thế mà nội-các thường được vững-lau không bị thay đổi luôn luôn như lũ hề trò múa rối, —

Chính-thể lập-hiến của nước Anh, với ba đặc-điểm kể trên, không phải bởi một học-giả hay một phái học giả nào sáng tạo ra. Nó là sự tấy

Thống chế PÉTAIN đã nói :

Các người cần nhất chẳng nên ngã lòng, vì dù bản chức được quyền như vậy, thì đã ngã lòng từ lâu rồi. Bản-chức sẽ gánh việc lớn cho đến khi hoàn thành và mong rằng ai ai cũng nối theo gương đó.

tạo của mấy trăm năm lịch-sử, nó là phản-ánh của tâm-tính mấy triệu dân sinh hoạt giữa nơi mặt-bể chân-giời.

Vua có vị, nhưng không có quyền : là vì trong một đoạn lịch-sử ly kỳ của nước Anh, Vua là một người ngoại-quốc không am hiểm việc nước Anh, thậm chí tiếng Anh cũng không biết, nên không thể dự hội-đồng nội-các mà bàn quốc-sự

Vị Anh-hoàng ly-kỳ ấy, tức la Georges 1er người Đức, trị vì từ 1714 đến 1727. Đến vua Georges II nối ngôi cũng không có gì đặc-sắc, vua Georges IV thì bị trụy-lạc trong sắc dục, rồi đến triều-chính của một vị nữ-hoàng là bà Victoria — trong ngót hai trăm năm lịch-sử, cái nếp «hữu vị vô quyền» ấy đã thành mỗi ngày một sâu. — đến công-nhiên trở nên một điều-lệ khắc trong hiến-pháp nước Anh. —

Quyền-hành thi ở Nghị-viện mà nhất là ở Thứ-dân-viện; đó cũng lại là một nền nếp của lịch-sử tạo thành. Anh-hoàng từ đời trung-cổ, đã cần dựa vào những địa-chủ thứ-dân, để lấy tiền vì những bầy-tôi qúy phái ít quá, cung phụng không đủ — Vì thế nên ngay từ thế kỷ thứ 14, thứ dân-viện đã có đặc quyền được khơi thảo về vấn-đề tài-chánh — đến thế kỷ thứ 16, họ Tudor lên ngôi, chủ-trương Tân-giáo, phải dựa vào thế-lực thứ dân để dàn-áp qúy-tộc... Những nguyên-nhân lịch-sử ấy đã xây đắp cho thứ-dân nước-Anh một nền tảng quyền lợi rất hiếm có ở hoàn-cầu.

Cho đến nghị-viện chỉ có hai chính đảng quan-trọng, cũng lại là một sự cấu tạo của lịch-sử : hai đảng bảo-thủ và tự-do bây giờ, cũng bởi hai phái Whigs và Tories mà ra. Và hai phái này đã có từ mấy trăm năm về trước: phái Whigs chú-trọng quyền dân và vụ tự do; phái Tories chú trọng quyền chính phủ và yêu cầu kỷ-luật — Trong mấy trăm năm hai phái ấy lần lượt cầm quyền hành chính — Khuôn mẫu ấy còn để đến ngày nay. —

Mà dân Anh giữ được cái khuôn mẫu, nền nếp của lịch-sử để lại cũng là nhờ ở bản tính *bình-tĩnh* và *thiết-thực* của họ.

Vì *bình-tĩnh* và *thiết-thực* nên họ có toàn-quyền chính-trị mà vẫn kính trọng vua, họ có quyền mà họ không lạm quyền, họ chỉ cần giữ được thực quyền là đủ —

Vì *bình-tĩnh* và *thiết-thực* nên họ không chia năm bè bảy đảng, họ không cả giận ai mà bỏ, không cả nghe ai mà theo và họ biết rằng sức mạnh ở sự hợp-quần —

Với tính-tình ấy, với lịch-sử ấy người Anh đã thực-hành chính-thể đại-nghị một cách hoàn toàn ít nước nào theo kịp —

Chính-thể đại-nghị ở các nước ngoài. Chính-thể đại-nghị đem thi-nghiệm ở các nước ngoài kết quả mỗi nơi một khác — Xin lấy thí-dụ ba nước ; Pháp, Đức và Thổ :

A,— ở Pháp trước 1940 hiến-pháp đại-khái tương tự như hiến-pháp của Anh, duy có hai điều khác : 1·) đứng-đầu cơ-quan hành-chính là một vị giám-quốc do hai viện thứ-dân và Nguyên-lão bầu lên. 2·) ở nghị-viện có rất nhiều chính-đảng.

Về điều thứ nhất, tuy Anh và Pháp có khác nhau, một bên vua, một bên giám-quốc, nhưng kỳ thực kết quả thi-hành cũng giống nhau : nghĩa là hoặc vua, hoặc Giám-quốc, đều không có thực-quyền, thực-quyền hành chính ở trong tay thủ tướng —

Về điều thứ hai, sự khác nhau rất quan trọng : ở Pháp vì nhiều chính đảng quá, nên không đảng nào cầm-quyền được lâu, nội các thay đổi luôn-luôn — Từ năm 1919 đến 1939, có tới 40 lần thay-đổi nội-các ; từ 1924 đến 1926 7 lần, từ 1932 đến 1934 sáu lần —

Nội-các thay đổi luôn, tức cơ-quan hành-chính không được mạnh, công việc ở chính phủ không được nhanh.

Nhưng đối với nước Pháp, trong thời kỳ thế-giới thái-bình, chính-thể ấy vẫn duy-trì được, vì nước Pháp là một nước phù-cường, quốc-dân sung-túc việc nội-trị không cần cải-cách, và ngoại-giao lại đứng bậc-nhất hoàn cầu : nếu chỉ cần giữ lấy một địa-vị hiện đã có, người ta không cần đến một chính-phủ cường-quyết, một cơ-quan hành-chính có thế-lực.

Trái-lại ở những nước còn bần-nhược, cần phải có những cuộc cải cách nhanh-chóng, thì cơ quan hành-chính phải có nhiều quyền, chính-phủ phải có thế-lực —

Vì thế mà chính-thể đại-nghị đem thi hành ở Đức và ở Thổ đã biến hình một cách bất ngờ —

B. – Nước Thổ (Turquie) là một nước «cũ», sau hồi Au-chiến 1914-18 đã đạp-đổ chế-độ quân-chủ chuyên-chế mà theo chính-thể đại-nghị như các nước thái-Tây—Hiến-pháp Thổ giao quyền hành-chính cho một vị thống lĩnh và quyền lập pháp cho viện dân-biểu.

Nhưng trái với những vị quốc trưởng đương thời ở các nước Thái-Tây, Thống-lĩnh Thổ lúc bây giờ là Mustapha Kemal có một tư-cách đặc biệt ông lên cầm-quyền, tuy vẫn theo hiến-pháp

nhưng đối với cơ-quan lập-pháp đã chiếm-hẳn phần hơn ; dĩ chí có người coi ông như một nhà Độc tài —

Nhưng kỳ thực, hành-động của ông vẫn trong vòng hiến-pháp, nghĩa là vẫn dựa theo nguyên tắc chính-thể đại-nghị : quyền hành ông nhiều thế lực ông mạnh, là chỉ bởi tư cách đặc biệt của ông đem ra áp dụng với tình thế, cải tạo xã-hội, đem nước Thổ nghìn năm tê-liệt biến thành một nước Thổ mới có thể chen vai thích cánh với các cường quốc.

Công-cuộc cải cách ấy xong, ông lại giao cho người nối chân ông một hiến-pháp vẹn-toàn, căn-cứ vào chính-thể đại-nghị : hậu-bối sẽ có thể thi-hành chính-thể đại-nghị được là vì bước đầu khó khăn ông ta đã đạt qua —

C. — ở nước Đức chính-thể đại-nghị không gặp được những cơ-hội may như hai nước trên. Sau hồi Au-chiến trước, nước đức cộng-hòa lập một hiến-pháp đại-nghị mà người ta gọi là hiến-pháp Weimar —

Trong nước, vừa bại trận, biết bao nhiêu nỗi khó khăn, biết bao nhiêu cuộc cải cách phải thi hành, thế mà chính-phủ cộng-hòa đương thời rất nhu nhược —

Đứng trước những sự khó-khăn, người Đức nhận thấy chính-thể đại-nghị không hợp với thời cục : bởi thế nên sau mấy năm thí-nghiệm không thành công, chính-thể đại-nghị đã bị trào-lưu quốc xã cuốn mất —

* * *

Lược qua lịch sử chính-thể đại-nghị của mấy nước kể trên ta có thể tạm nhận rằng:

1·) Chính-thể đại-nghị có thể rất hay, nếu cơ quan hành-chính có đủ thế lực mà hành-động.

2·) Muốn cho cơ-quan hành-chính có thế lực, tất cần phải có người đương-chức lỗi lạc (như ông Clémenceau ở Pháp, ông Kémal ở Thổ), hay nếu không thì phải có một trường hợp đặc biệt như nước Anh là chỉ có hai chính-đảng quan-trọng lần lượt thay nhau cầm quyền —

3·) Ở những nước phong-phú cơ-quan hành-chính có thể bất lực mà ít hại (trừ trong lúc chiến tranh); trái lại ở những nước suy nhược cần cải tạo chính-phủ phải có nhiều quyền-hành để mưu cuộc sinh tồn của quốc-gia.

PHAN ANH

CÁC NGÀI LƯU Ý TRONG LÚC

Dùng chè Đồng-Lương

Chúng tôi nhận được thư của nhiều bạn hàng và các nhà sành trà báo cho chúng tôi biết hiện nay có rất nhiều thứ chè làm giống như chè ĐỒNG-LƯƠNG và có nhiều kẻ tự xưng là người của hiệu ĐỒNG-LƯƠNG mang những thứ chè rất xấu đó đi bán rao khắp nơi nữa.

Vậy chúng tôi xin nhắc để các bạn hàng yêu quý của chè ĐỒNG-LƯƠNG rõ: TỪ 20 NĂM NAY CHÈ ĐỒNG-LƯƠNG KHÔNG BAO GIỜ CHO ĐEM ĐI BÁN RAO NHƯ VẬY.

Và trong lúc chúng tôi nhờ pháp luật đó xét trừng trị bọn vô lương tâm đó, chúng tôi ước mong các ngài nếu thấy một kẻ nào mạo nhận là người của chúng tôi cho đi bán rao trà thì xin vạch rõ cách hành động đê hèn của chúng trước quần chúng để trừ tiệt những kẻ khốn nạn dùng lối cạnh tranh hèn mạt, ngu dại làm phi tiếng hàng nội hóa và làm cản trở sự tiến bộ của nền công nghệ Việt-Nam. Chung tôi lại mong các ngài mỗi khi mua trà xin đến thẳng Tổng-cục chè ĐỒNG-LƯƠNG ở số nhà 40 PHỐ HÀNG NGANG HANOI hoặc các Đại-lý chè ĐỒNG-LƯƠNG ở khắp các tỉnh thì sẽ không bị nhầm và bị lừa dối

CHÈ ĐỒNG - LƯƠNG kính cáo

VĂN CHƯƠNG TRONG HỘI HỌA

TÔ NGỌC VÂN

HỘI-Họa và văn-chương vẫn thường đi đôi với nhau trong những cuộc biến đổi tư-tưởng của từng thời. Hai giới văn-chương và Hội-Họa gặp nhau ở khu tình cảm và tư tưởng, một bên lấy văn thể, một đằng dùng HÌNH, SẮC để diễn tả tâm hồn của người và vật. Ở thời nào, văn-sĩ, họa-sĩ cũng như gần nhau hơn người các giới khác. Những nhà bình-phẩm mỹ-thuật sáng suốt của Pháp từ Diderot cho đến Beaudelaire đều là nhà văn. Lịch sử Tầu cho ta biết một số không ít họa-sĩ đại tài kiêm thi-sĩ, họa-sĩ cảm hứng vì một bài thơ mà phác thành những bức tranh tuyệt tác, và thi sĩ vì họa phẩm gợi nguồn thơ mà cảm đề vào tác phẩm. Ở Âu-Châu, riêng nước Pháp, nhất hồi phong trào lãng-mạn, văn chương và hội Họa chưa từng bao giờ sát cạnh nhau đến thế. Những họa-sĩ như Girodet hay những bậc kỳ tài như Delacroix không những tìm cái cảm hứng mà lại rút cả đầu đề các họa phẩm của mình ở văn phẩm của Chateaubriand, của Goethe, của Lord Byron, của Walter Scott...

Còn ở nước ta — nói chuyện bây giờ — tuy chưa thấy nhà văn nào kiêm họa-sĩ, song có nhiều họa-sĩ không viết văn nhưng làm văn trên họa phẩm. Hay nói cho đúng làm văn ở cái đầu đề, nghĩa là dùng những đầu đề rất văn thơ (nhiều khi rẻ tiền) để gọi tên những bức tranh lắm khi không liên lạc gì đến đầu đề. Ta thấy ở phòng triển lãm nọ một bức vẽ cái nhà lá dưới, nắng gắt với mấy lời chú giải của tác giả «chiếc nhà danh và một trái tim [illegible] một cảnh đần độn được họa sĩ tặng cho [illegible] chữ «nhớ thương». Lại một cô thiếu nữ ngồi trợn ngược mắt nhìn trời, có vẻ «ngộ cảm» hơn là «đa cảm» tác giả dán ngay cho cái nhãn hiệu «mơ màng».

Còn những tiếng gì sẵn sàng để gợi ý thơ mà những họa sĩ đó chưa dùng! Trong nghề họa người ta lấy tên hiệu «họa sĩ văn chương» (peintre littéraire) hàm nghĩa chê trách mà chỉ họ. Nhà bình phẩm Beaudelaire lại có một tên không được thơ lắm, kêu là «những con bú rù làm tình cảm» (les singes du sentiment) để mỗi khi viết đến họ thì dùng.

Không phải ở xứ ta riêng độc quyền về loài bú dù ấy. Ở Pháp, hồi phong trào lãng-mạn đang thịnh, giống đó cũng sinh ra lắm. Cái lỗi chung của loài là tưởng, muốn một họa phẩm gợi ý thơ văn, chỉ cứ việc dùng những đầu đề văn thơ là đủ, không đếm xỉa gì đến nghệ thuật không cần chính mình phải mang tấm lòng mạnh cảm súc với trí thông minh soi sâu vào nguyên cốt của vạn vật.

Vẫn biết có nhiều tình cảm mà chung văn-chương và hội-họa cũng diễn tả được. Song lời văn với HÌNH, SẮC không phải bao giờ hiệu lực cũng giống nhau. Nên nhiều vẻ nhiều ý mà chỉ riêng văn chương hay riêng hội họa mới diễn nổi, một thí dụ; cách đây vài năm, một ông họa sĩ tầu bầy tranh ở Hanoi có phô trương một bức vẽ một ông già Tầu chống tay ngồi, trên tranh tác giả chua nghĩa rằng ông già đang than: «Trời hỡi! sao Trời không cứu nước Tầu!». Nếu chúng ta bỏ lời chua đi, bức tranh còn lại gì? «một ông già tầu mỏi lưng» hay «một ông già ngồi rồi»? Ta nghĩ đến những đầu đề ấy hay đầu đề nào khác nữa, chứ không bao giờ lại tưởng tới ý muốn tả của tác giả, cái ý «ông già ngồi than nước Tầu Giời không cứu» mà đến các ông thánh trong hội họa cũng chịu không biết lấy HÌNH, SẮC nào tả nổi.

Bởi vậy, những bậc họa sĩ đại tài như Delacroix, tuy tìm cảm hứng trong văn phẩm, song đã khéo chọn những đầu đề thuận tiện cho nghệ thuật hội họa. Xét như thế, thì tả nổi ý định văn chương trong hội họa, là vì đã biết đặt ý ấy vào phạm vi hội họa, phạm vi của Hình Sắc và như thế, cái ý văn chương chỉ có thể ở Hình với Sắc mà phát tiết ra chứ không ở đầu đề. Thật là luẩn quẩn! Thì ra một bức tranh thêm cái ý

(Xem tiếp trang 28

XÃ-HỘI VIỆT-NAM
TỪ THẾ-KỶ THỨ XVII

NGUYỄN TRỌNG PHẤN

(Bài thứ sáu)

VI. — Mariny

1) Những Sản-vật của xứ Bắc-Kỳ.

Không nên lấy làm lạ khi ta thấy trong một xứ đất cát phì nhiêu và nguyên liệu phong phú như thế, dân sự biếng nhác và thiếu óc kỹ sảo. Thật ra (cũng) có rất ít người thích việc công thương, cam lòng rời bỏ quê hương để đi ra ngoài, quan-sát những đất lạ, biết chiêu dụ người ngoại quốc đến xứ mình Có sống trong sự thiếu thốn, ta mới thấy cần có sảo nghệ, lo vượt qua nỗi cơ hàn, đi hết góc bể chân trời để thông thương và thu vét của-cải· Còn dân này trong nước đã sẵn có-có thừa thãi, mọi cái cần thiết nhất cho đời sống thì có cần gì đi ra xa để làm nguy cho tính mệnh và mang gian chuân vất-vả vào mình, cũng vì thế nên bây giờ ta mới biết xứ này.

..... Người Đông Kinh đã khôn ngoan, khéo léo từ khi người Bồ-đào-nha, Hòa-Lan và các nước lân cận đến buôn bán. Họ biết buôn không phải vì túng thiếu ; nhưng vì lợi, vì tiền. Hơn nữa, họ cũng đủ lý trí để học rất mau những lề lối, những mánh khóe trong nghề buôn để khỏi bị phỉnh gạt

Trong xứ không có xa phu ; không có những xe bò xe ngựa tiện lợi, cũng không có thuyền tầu để đi lại trên mặt biển : bởi vì họ sẽ bị nghi là tự ý phá sản khi đem xuất cảng những thực phẩm, những tơ mới quay hay đã dệt, hoặc những thức hàng khác để kiếm lời. Họ chỉ bán ra vài thức hàng làm bằng đủ mọi chất dùng trang hoàng hay có công dụng riêng. Hàng nhập cảng thì có nhiều thứ trong xứ đã sẵn có như gạo, lúa mì, rau, đậu, cá, cầm thú, hoa quả đủ mọi giống và đủ các mùa vải dệt bông, lụa, tơ gỗ đủ các kiểu, kim khí đủ các loại tại các mỏ trong xứ.

Từ trước đến giờ, Quốc vương không cho khai các mỏ vàng; ngài vừa mới cho phép khai 25 hay 30 mỏ bạc một phần ở tỉnh Bao, một phần ở tỉnh Cuicanghe (Cao Bằng). Cũng có vài mỏ bạc trong địa hạt Bắc trấn vừa mời đào nhưng khi nào đức Vua cho phép mới được khai. Ngài giữ các mỏ kim ngân quí giá như vậy là tại ngài sợ ngoại quốc nghe thấy thì đến xin khai và chiếm mất, sợ thần dân tranh quyền làm chủ những mỏ ấy và nổi loạn chống lại ngài.

Sắt và chì thì tha hồ khai vì ngài không lo giữ-gìn như vàng bạc. Ngoài các mỏ nên kể việc mò trai. Nhưng bây giờ không còn ai mò nữa vì các các vua trước đã chiếm giữ lấy cả mọi lợi. Ai còn muốn hi sinh tính mệnh trăm nghìn lần để làm việc khó nhọc ấy ?.... Về việc chài lưới tôi không thấy nơi nào sẵn cá như xứ Đông Kinh ; ai ai cũng có lưới để bắt cá ăn tươi hay ướp muối.

Một nguồn lợi nữa thông thường hơn, khai thác không khó nhọc và nguy hiểm vì mọc sẵn trên đất là núi rừng, có nhiều thứ cây già hơn nghìn năm không mục nát được. Như gỗ lim (người Bồ đào gọi là Palo Ferro, nghĩa là cọc sắt để chỉ rõ tính cách gỗ nặng hơn cả gỗ mun vì chìm xuống nước mau hơn ; — sắc giống như sắt rỉ ; — cứng như sắt đem búa đóng đanh tốt vào, thì một người khỏe đến đâu dùng tay không cũng không nhổ lên được, dùng kìm thường nhổ cũng còn khó nhọc). Gỗ lim kị với sắt : lim làm hao và ăn sắt rỉ chóng đến nỗi trong những chiếc galions dùng đinh sắt đóng những xà và dường (solives) lim vào thành tầu, sắt rỉ, những phiến gỗ ấy long ra. Nếu ta không trông nom và sửa chữa ngay thì tầu có thể vỡ ra và đắm được.

Ngoài ra còn nhiều thứ gỗ cũng tốt như lim : nhà vua không cho phép đẵn nên ta không được đóng được tầu chiến đẹp bằng gỗ mun. Mun không được nhiều, và tốt như mun Mozambique — Quế (Calambà, calambuco) mọc ở phía nam xứ Đông Kinh, ở phía bắc xứ đường trong và ở phía Nam xứ này chỗ tiếp - với Chiêm thành. Quế không được nhiều và tốt nh quế Tich-Lan. Nhưng quế nam đắt hơn và rất đ người Nhật chuộng dùng Những người này thường nói giá chúa Nguyễn gửi sang Nhật bản thanh quế nặng 30 livres ngài giữ trong cung thì sẽ có nhiều người đem vàng cân đánh đổi. Quế đắt thế nên có nhiều người đi kiếm Nhưng vua cấm ngặt ai không có phép thì không được bóc mà có phép cũng phải chở qua cung vua, Quế thơm nhưng (muốn lấy quế) phải xông vào rừng sâu đầy thú ác, nước độc khí thiêng. Thú dữ còn có bề chống giữ đề phòng; chớ nước độc khí

Dấu cũ Loa Thành

NGUYỄN VĂN HUYÊN

LOA-thành hiện nay còn dấu tích ở xã Cổ-loa huyện Đông-anh tỉnh Phúc Yên, Thành này là kinh đô của nhà Thục làm vua ở nước ta vào khoảng giữa thế-kỷ thứ ba trước J. C. Rồi bẵng đi hơn một nghìn năm, đến thế-kỷ thứ mười nhà Ngô tại dùng làm thủ đô 25 năm. Trải từ hồi đó đến nay lại thêm một nghìn năm nữa Cuộc đời dâu bể quốc-đô lúc thiên đến Long-biên, lúc dịch sang Đại-la, lúc thiên vào Hoa-lư rồi lại ra Thăng-long, rồi lại vào Tây-đô, rồi lại ra Thăng-long, rốt cục thiên vào Thuận-hoá! Ngoài hai nghìn năm nay trải bao cơn binh hỏa thủy đạo mà hai tiếng Loa-thành còn vẳng vẳng trong tâm-hồn người Việt mình, thử hỏi thành ấy ngày nay còn gì là di tích cũ nữa không!

Cứ theo trong sách *Lĩnh-nam trích quái* (1) thì thành hãy là linh-tích của một ông vua sáng-nghiệp cùng của một cặp tâm-hồn trai trẻ.

«Vua An-dương nước Âu-lạc là người [đất] Ba-thục, họ-Thục tên là Phán (2).

«Nguyên trước tiên tổ cầu xin con gái Hùng-vương [là] My-nương làm vợ. Hùng-vương không cho. Sinh ra oán. Phán muốn thành trì trước cất quân đánh Hùng-vương, duyệt nước Văn-lang, đổi quốc hiệu là Âu-lạc mà lên làm vua (3).»

So đoạn *Lĩnh-nam trích quái* với các sách sử thì ta thấy trong *Khâm định Đại việt thông giám cương mục* (trở về dưới gọi tắt là *Cương mục*) Tiền biên, quyển 1 trang 7 có chép: «... Xưa Hùng-vương có con gái là My-nương (4). Thục vương hay đấy, khiến sứ lại cầu hôn. Vua muốn cho nhưng Lạc-hầu ngăn rằng: «Kẻ kia muốn dỗ ta. Việc hôn nhân này chỉ là giả danh vậy!» Vua bèn thôi. Thục-vương lấy việc ấy làm giận lắm, dặn lại con cháu về sau thế nào cũng phải duyệt nước Văn-lang (5). Đến đây cháu là Thục Phán có dũng lược, nhiều lần đánh vua Hùng. Hùng-vương quân kiên tướng mạnh mỗi khi ra trận đều đánh bại được đấy, nên tự bảo rằng: «Ta có thần lực, Thục chẳng sợ ta ru!» Bèn từ đấy lấy rượu chè ăn uống làm vui, chẳng sửa sang vũ-bị. Quân Thục vào cõi mà vẫn đắm say chưa tỉnh. Kịp khi quân địch bức đến nơi vua bèn thổ ra huyết nhảy xuống giếng mà chết. Quân chúng đảo ngược dáo mà xin hàng. Nước Văn-lang mất... Vua Thục được Văn-lang rồi, đổi quốc-hiệu là Âu-lạc và đóng đô ở Phong-khê. (6)

N. V. H.

(1) Sách này tục truyền là của ông Trần thế Pháp (không ai rõ sự nghiệp ông; có sách chép ông là người huyện Thạch-thất tỉnh Sơntây) biệt hiệu là Thức-chi. Thực ra thì không biết sách này viết vào đời nào, Lý hay Trần. Mãi đến năm thứ 23 đời Hồng-đức (1492) hai ông Vũ Quỳnh (người làng Mộ-trạch Phủ Bình-giang tỉnh Hảidương, đỗ Tiến-sĩ năm 26 tuổi. Hồng-đức thứ 9 (1478), quan đến Lễ-bộ thượng-thư. Ông có làm ra bộ *Việt giám thông khảo* 26 quyển) và Kiều Phú (người làm Liệp-hạ, huyện Ninh-sơn (bây giờ là làng Liệp-tuyết, huyện (Yên-sơn) thuộc Phủ Quốc-oai tỉnh Sơntây, đỗ Tiến-sĩ năm 29 tuổi, Hồng-đức thứ 6 (1475) quan đến chức Tham chính) hiệu chính lại và đề tựa. Hiện ở thư-Viện Bác-cổ Hànội có chín bản chép sách này: A 33, 749, 1200, 1200 1549 (bản này viết nối vào cuốn *Bản quốc dị văn lục*), 1752, 1897, 1920 và 2107 Những bản này có nhiều chỗ khác nhau! Trước kia ông Nguyễn Hàm Chuẩn có khảo chính lại cho ba bản số A. 33, 749 và 1920 hiện bản thảo còn giữ ở Bác-cổ học viện (số A. 750)! mong nay có bạn nào dụng công nối được trí ông mà so sánh lại, cho tất cả các bản hiệu còn lưu lại được ngõ hầu cũng giúp ích được một phần chắc chắn cho văn-học, sử học nước nhà.

Việc đắp Loa-thành có chép rõ ở truyện *Kim-quy* trong sách ấy (trừ bản số A. 1751 không thấy chép). Bài này viết căn cứ ở bản số A. 33; chỗ nào có khác các bản kia tôi sẽ Khảo chính mã chua ở dưới. Truyện *Kim-quy* chép số A-33 quyển 2 trang 8a-12b; số A. 749 tr. 23b-27a; số A.1200 tr.25a-28b số A. 1300 tr. 18a-20b; số A.1897 tr. 59a-62b (trong bản này đề là Kim-quy cổ truyện); số A. 1920 tr. 21b-23b; số 2107 tr. 22b-26a.

(2) Bản số A. 749 chép thêm chữ: nguyên (là người đất Ba-thục). Bản số A. 1897 chép: «Vua An-dương húy là Phán người (đất) Ba-thục». Hai bản A. 1920 và 2107 không có câu này.

(3) Bản số A. 749 thay chữ oán làm chữ hàm nộ (ngậm dận); bỏ chữ dục (muốn thành trì...) cuối câu lại chép là: «... đổi gọi là Âu-lạc mà ở (cư) đấy.» Bản số A. 1200 chép rõ là:» con gái Hùng-vương danh (tên là) My-vương»; Nhưng cuối câu lại chỉ chép: «đổi gọi là nước Âu-lạc» Bản số A. 1549 cũng chép hai chữ «hàm-nộ» và «... mà ở đấy» như bản A. 749, nhưng chỗ «trì trước», *tiền* trí thay ra tiên trí. Bản số A. 1897 chép khác các bản trên:» Tổ ngài cầu My-nương Vua Hùng làm vợ không được, đời đời lấy làm hiềm khích. Đến ông Phán cử binh đánh Văn-lang mà chiếm đấy, dựng (nước) gọi là nước Âu-lạc» Hai bản số A. 1920 và 2107 không có câu này.

(4) Theo *Đại Việt Sử Ký* (trở về dưới gọi tắt là *Sử-Ký*) Ngoại kỷ, quyển 1 trang 5 đời Hùng-vương «con gái vua gọi là *quan lang*; con gái vua là *mỵ-nương*; tướng văn là *lạc-hầu*, võ là *lạc-tướng*; các quan là *bồ-chính*...»

(5) Theo *Sử-ky* (Ngoại-kỷ, 9. (tr. 5-7); Nước Văn-lang của Hùng-vương phía đông đến bể, tây đến Ba-Thục, bắc đến hồ Động-đình, nam đến nước Hồ-tôn (tức là Chiêm Thành). Nước chia ra làm 15 bộ là Giao-chỉ, Chu-duyên, Vũ-ninh, Phúc-lộc, Việt-thường, Ninh-hải, Dương-toàn, Lục-hải, Vũ-định, Hoài-hoan,, Cửu-chân, Bình-văn, Tân-hưng, Cửu-đức. Vua ở vào bộ Văn-lang... Sử-thần là Ngô thời Sĩ có bàn rằng: «Xét cương giới nước Việt ta tự Hán mới chia 7 quận 56 huyện làm bộ Giao-châu. Bắt đầu từ đây mới có chứng cớ mà khảo xét Các đời Tấn, Tùy về sau cũng có thay đổi. Đến đời Đường đặt ra đạo Lĩnh-nam mà lấy An-nam biệt ra làm *Đo hộ phủ* gồm 12 quận 59 huyện. Tức là Giao-chỉ. Cửu-chân, Nhật-nam trong bầy quận đời Hán. Tựu trung có nhân cũ đổi mới, tách chỗ nọ thuộc vào chỗ kia mà cõi nước Nam ta đến đấy mới định. Nay lấy các bộ của Vua Hùng đặt ra mà tìm trong địa chí các đời thì thấy ở *Đường-thư* có chép rằng *Giao-chỉ* và *Chu-duyên* thì thuộc quận Giao-chỉ; *Cửu-chân* thì thuộc quận Ái-châu; *Cửu-đức* và *Việt thường* thì thuộc quận Hoan-châu; *Phúc-lộc* thì thuộc quận Đường-lâm; *Thang-toàn* thì thuộc quận Thang-toàn (Cựu-sử chép là Dương-toàn thì nhầm); *Ninh-hải* thì thuộc quận Lạc-châu; *Vũ-định* trước thuộc quận Giao-chỉ, Tùy đổi làm Longbình. Lại ở *Đường-thư*: sô huyện thuộc châu Vũ-định có ba là Nhu-viễn, Phúc-lộc, Đường lâm, Hoặc đương lúc bấy giờ lấy Nhu-viễn hoặc Đường-lâm làm Vũ-định, cùng với Phúc-lộc đều làm bộ. *Vũ-ninh* về thời Tấn thì là thuộc huyện của Giao-chỉ. *Tân-hưng* ở Phong-châu thuộc Giao-chỉ, đến thời Ngô mới chia ra đặt làm quận. Duy có *Lục-hải* và *Bình-văn* thì chưa tường duyên cách...» Xem thế thì bờ cõi nước Văn-lang cũng còn hàm hồ lắm; trong *Cương-mục* cũng chép là không biết đâu mà khảo-đính cho tường được (Tiền biên q. 1 +2. 3a-4b). So với hai bài của ông Henri Maspero đăng trong Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient (BEFEO): *Le Royaume du Van-lang*. T. XVIII (1918) N°3 pp-1-10; *Le Protectorat d'Annam sous les T'ang*, T. X (1910) N°3 pp 539-584; N°4 pp. 665-682.

(6) So với *Sử-ký*, Ngoại kỷ q. 1 tr. 11a; và *Đại việt sử ký toàn-thư* (trở về dưới gọi tắt là *Toàn-thư*) Ngoại kỷ 9. 1 tr. 3.

thiêng dù có đem thuốc giải trừ rất hay, không chết ở dưới chân cây, về đến quê nhà cũng ốm liệt giường liệt chiếu.

Rừng còn có cọp, gấu, lang, hươu, hoẵng, thỏ, lợn lòi, voi khỉ, và ít nhiều tê giác. Sừng tê giác rất được chuộng dùng ở Ấn-độ và các nước lân-bang Trung Quốc Sừng tê dùng để giải độc nên ai có của cũng cố tích trữ được một *cái* (?) ở trong nhà nhất là tại các miền này, các dân thường có ác tục là bỏ thuốc độc hại lẫn nhau. Cũng có kẻ nói quả-quyết rằng nếu giăm phải gai chỉ cần đem tán một ít Sừng tê thành bột hòa vào với nước rồi dùng nước ấy rửa chỗ đau, thì không làm nhức buốt gì cái gai cứ tự nhiên lòi ra rất dễ dàng và chẳng đau đớn. Các vị quan tầu chức cao và lắm của lúc thết tiệc các bạn thân, chỉ rót rượu vào chén làm bằng sừng tê để tỏ ra rằng họ sang, để khỏi sợ say vì sừng tê có tính chất giải độc.

Cũng như ở nơi khác, dân Nam muốn thử xem sừng tê có tốt hay không, đem cheo thanh kiếm bằng một sợi dây rồi cầm sừng tê để gần kiếm; nếu tay chuyển sừng đi mà kiếm quay theo thì sừng tốt, nếu kiếm đứng yên thì sừng không có giá trị gì cả. Cũng có kẻ không thử thế chỉ xem nếu trong giữa sừng có vân vàng mọc tỏa ra đến khắp ngoài ria thì cho là sừng tốt. Nếu sừng vừa có vân vừa làm quay được thanh kiếm thì họ sẵn lòng bỏ ra mấy trăm đồng vàng mà chuốc... Người Đông kinh, hơn người Trung Hoa còn biết dùng sừng tê làm cán gươm, chuôi dao để phòng hơi độc của thuốc giải độc mà luôn luôn họ giắt trong người.

Họ cũng nuôi dê, bò, trâu. Ngựa nhiều nhưng còm, bé như ngựa Ba Lan. Ngựa mua ở các xứ lân cận vào đẹp lớn tốt hơn nhưng đã bị thiến rồi; Quốc chủ các nước này một là muốn giữ lợi, hai là sợ bán ngựa giống cho một nước một ngày kia có thể trở nên thù địch của mình, nên không muốn giống ngựa của mình có ở nước khác. Ngựa không bịt móng vì đất ở vùng quê không có đá không hại chân. Họ cũng không dùng đinh thúc ngựa nhưng cầm roi lông. Họ cho rằng cưỡi ngựa mà ngựa không có nhạc đeo, thì người cưỡi ngựa thành lố bịch cưỡi như thế cũng không khác cưỡi bò.

Nhưng trong lúc để tang vua hay các thân quyến của vua ai cưỡi ngựa có nhạc thì sẽ bị phạt một món tiền to.

N. T. P.

VỖ-ĐỨC-DIÊN
ARCHITECTE D. P. G. L.
N° 3, Place Négrier — HANOI
TÉLÉPHONE : 77

ĐỌC «LỬA THIÊNG» CỦA HUY CẬN

TRƯƠNG CHÍNH

Cũng là vẩn-vơ, nỗi buồn của Huy Cận không hẳn là nỗi buồn của tuổi hai mươi. Lòng ông quạnh-hiu, vũ-trụ bao-la, phải đâu chỉ vì ông chưa hề «đón được tình hương ân-ái» Huy Cận buồn những nỗi buồn chung của nhân thế: buồn tiễn đưa, buồn nhớ bạn, buồn nhớ nhà, buồn chuyện đời quanh-quẩn. Ông còn mang thêm mối hận ngàn thu riêng của giống thi-sĩ (1). Nên những lúc thấy mình bơ-vơ, ông phải chiêu-niệm linh-hồn những người đồng hội, đồng thuyền mới giãi-tỏ được ít điều tâm-sự

Nỗi sầu ấy là một nỗi sầu mênh-mang, bát-ngát, không ngăn-cản được.

(Sau thu lên vút song song)
đến một cách bất-ngờ và lan ngây-ngất cả núi sông.

(Bỗng dưng buồn bã không gian,
Mây bay lũng thấp giăng màn âm u.)

Cũng lại là một tình cảm không cỗi-rễ: rưa buồn, chiều buồn, nắng buồn, mưa buồn, không mưa không nắng cũng buồn... Nếu ai các-cớ hỏi cảnh trang phơi dâu bãi sao mà đìu hiu, cảnh sông dài trời rộng sao mà thê-lương, thì thi-nhân cũng khó lòng mà trả lời cho ổn. Người cũng chỉ dẫn được những cơ rất mơ hồ. Ta sầu nhiều bởi vì phố không cây, ta quạnh-quẽ bởi vì sông thiếu một chuyến đò ngang hay một chiếc cầu. Hoặc người cũng chỉ đành phỏng-đoán:

Ôi! nắng vàng sao mà nhớ nhung?
Có ai đàn lẻ để tơ chùng?
Có ai tiễn biệt nơi xa ấy
Xui bước chân đây cũng ngại ngùng...

NHỚ HỜ

Người buồn hay cảnh buồn? Người xui cảnh bâng-khuâng, hay cảnh khiến người thương nhớ? Ai có ngờ chính đây là cái u của vũ-trụ, ẩn náu trong lòng người, trong lòng vạn vật và phát-lộ ra ở miệng thi-nhân.

Nhưng cũng may cho Huy-Cận. Chút lửa thiêng trong người trai mới lớn, không vì thế mà tắt hẳn. Huy-Cận còn thấy được xung quanh mình các hương-sắc tưng-bừng, và không gian hồn-hậu. Những lời ông ca-tụng cuộc đời hiền từ nghe cũng chân-thành lắm:

Thời khắc đang đi nhịp thái bình.
Dịu dàng gió nhạt thổi mây xanh;
Hàng cây mở ngọn kêu chim đến,
Hạnh phúc xem như chuyện đã đành.
Lẫn cụm hoa trời rơi dáng bướm,
Nở chen hoa lá tiếng vành khuyên.
Ngoài đường buổi sáng thơm hương mới,
Thú sống thêm mùi cỏ mới lên...

BÌNH YÊN

Lòng ông còn rung-động trước cảnh mai sương buông thưa, cảnh chiều thịnh trị, cảnh mùa xuân tươi mát. Ông còn biết đón những hạnh-phúc đơn-sơ, nằm im dưới gốc cây, trông lên chiếc thuyền lá trôi trên biển trời và để tâm hồn chơi vơi trên cỏ biếc. Nguyên vì Huy-Cận có những giác-quan vô cùng linh-diệu. Lần đầu tiên người ta nghe nói đến «lòng trai thơm ngát», «lá thơm như thể da người» và mùi của tơ duyên, mùi của luống đất mới xới. Ông thu được cả âm-thanh thao-thức trong mạch đời, đoán được lòng cô thiếu-nữ nao nao, thấy được ý mùa rộn trong thân mới, nhựa manh uân trào nơi gót chàng trai, hay bắt gặp được.

Mùa tươi lên rún rẩy
Trong cành hoa trẻ, cổ chim non.

Các giác quan nhiều khi lại thay-thế cho nhau để được thêm phần tế-nhị:

Trí vô tư cho da thở hương tình,

Bởi vậy khi thu sống tràn-đầy khắp thế-gian máu thanh xuân cũng không để héo hon người thơ, và dầu muốn hay không người cũng phải

Đi bài đàn bỏng bột của đời chung,
Thầm xuân ý trong nhịp người nhún nhẩy.

II

Có điều, lòng lạc-quan ấy thì hồn nhiên mà nỗi sầu kia thì vương-vấn. Cho nên tâm-hồn người dễ trở nên quạnh-hiu và lời tự-tình của người dễ biến thành những lời than-thở:

Hồn đơn chiếc như đảo rời dặm biển,
Suốt một đời như núi đứng riêng tây.

(1) Mang mang thiên cổ sầu. (Huy-Cận)
Hô nhi tương xuất hoán mỹ tửu, 呼兒相出美涘酒
Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu. 與爾同消萬古愁
(Lý-Bạch) (李白)

Lòng chàng xưa chốn nọ với nơi nầy,
Đây hay đó chỉ dựng chòi cô độc.

MAI SAU

Tình bạn và tình yêu không khuây-khoả được một tấm lòng hay sầu-tư, hay thương nhớ. Huy-Cận lẻ-loi giữa sự triu-mến và áo-não giữa cuộc đời vui tươi :

Nay hẵng còn đây ấm mặt trời,
Mà sao lòng lạnh tuyết băng rơi ?

BUỒN

Do đó lời thơ ông thường nhuốm giọng chán-chường của người tuy biết đời vui mà thấy lòng mình cứ bình thản.

Nhưng dầu không sống, Huy-Cận lại là người sợ chết hơn ai hết. Bởi vì có gì cô-đơn, lanh-lẽo bằng một cái thân ma ? Chết tức là phải rời-bỏ nệm êm, xa-lìa thành-phố đang quen, để ra trơ-trọi một mình giữa chốn đồng không mông quạnh. Những đêm mưa ướt, gió lạnh, biết ôm-ấp cùng ai chia-sẻ nỗi hàn-huyên :

Lạnh lùng biết mấy tấm thân xương ?
Ân ái xưa kia kiếp ngủ giường.
Đâu nữa tay choàng làm gối ấm ;
Còn đâu đôi lứa chuyện canh sương...

NGỦ CHUNG

Về sự chết, thơ Huy-Cận không rùng-rợn nhưng rất thê-lương.

Những lời van-xin của ông nghe đã đau-đớn chưa:

Bướm bay chi ? tay nhậy đã chia lìa ;
Tình gọi đó, nhưng lòng thôi bắt mộng.

CHẾT

hay là :

Xe tang đi, xin đừng chớ gập ghềnh !
Không gian ơi, xin hẹp bớt mông mênh,
Áo não quá trời buồi chiều vĩnh-biệt !
Và người nữa gió buồn thê thiết
Xin lặng giùm cho nhẹ bớt cô đơn.

NHẠC SẦU

và thảm-thương biết bao những lời an-ủi các cô-hồn vơ-vất :

Chốn tránh bơ vơ chậy ngủ lang,
Hồn ơi ! có nhớ giấc trần gian
Nệm là hơi thở, da: chăn ấm,
Xương cọ vào xương bớt nỗi hàn?

NGỦ CHUNG

Huy-Cận sống bằng cảm-giác. Ông suy-xét việc đời theo cảm-giác. Thơ ông vì vậy dễ xúc-động lòng ta.

■

Tuy nhiên, có hai địa-hạt ấy không thể dùng cảm-giác mà đạt tới được : Tình yêu và tôn-giáo.

Tình yêu chủ ở trái tim. Trái tim có sôi-nổi, tình yêu mới mặn-nồng. Cho nên về tình yêu, Huy-Cận chỉ có những bài thơ hiền-lành, dễ thương chứ không xôn-xao, đằm-thắm. Ông vui không cuống-quit, đau-khổ không xót-xa. Nỗi xầu tình của ông cũng lại thi-vị nốt :

Nhưng chân đẹp vội rẽ đường trăm lối,
Gió bay qua thổi đưa tiếng cười chào.
Rồi một bữa đứng chờ người chẳng tới,
Ta thấy buồn cùng mọc với trăng sao.

BI CA

hay là :

Thủa xưa, Chức Nữ buồn sông ngân,
Có kẻ ngồi thương ở dưới trần ;
Chạnh nỗi tương tư khôn giãi tỏ,
Muốn sao bàng bạc sầu không gian.

HỒN XƯA

Chỉ những khi nhớ thương vơ-vẩn hay là than-tiếc những cuộc tình-duyên chưa kịp bén, lời thơ ông mới lại cảm-động:

Thôi đã tan rồi vạn gót hương
Của người đẹp tới tự trăm phương.
Tan rồi những bước không hò hẹn
Đã bước trùng nhau một ngả đường.

DẤU CHÂN TRÊN ĐƯỜNG

hay là :

Ôi ! những kẻ tôi chỉ chào một bận,
Chân xa mau lòng chưa kịp giao thân,
Trên đường tôi nếu trở lại vài lần,
Chắc ta đã yêu nhau rồi, — hẳn chứ...
Một lời nói nếu có gan ướm thử ;
Một bàn tay đừng lưỡng lự trao thơ ;
Một lúc nhìn nhau, đôi lúc tình cờ,
Chắc có lẽ đã làm nên luyến ái...
Yêu biết mấy nếu có lần gặp lại !

TÌNH MẤT (1)

Tôn-giáo thì chủ ở lòng tín-mộ. Huy-Cận không có lòng tín-mộ nên thơ ông ấy thiếu bề thành-kính. Ông cúi đầu trước Thượng-đế, cầu xin ơn Thượng đế mà lại còn dám nghi-ngờ tài-đức của Người và thốt ra những lời vô lễ quá chừng :

Nếu Chúa biết bao nhiêu lòng hốt hoảng
Trong sầu đen đã gãy cánh như dơi ;
. . . . . .
Thì hẳn chúa cũng thẹn thùng hối hận (!)
Đã sinh ra thân thể của con người.

THÂN THỂ

Tội phạm thượng ấy làm sao mà thứ cho được. Thì ai bảo chỉ mới « mỏi chạy theo tình » và chỉ có những sự nhớ-nhung hờ đã vội vàng đến trước Thượng-Đế kêu-than làm chi ! Hãy nhường chỗ này cho những người xấu số hơn đương thực quằn-quại trong Đau-Khổ và Tủi-nhục. Tôi đang nghĩ đến một thi- hác, Hàn Mạc-Tử, và dừng bút lại đây, ôn it cả đạo của người.

III

Điều đáng để ý là về nghệ-thuật, Huy-Cận tuy hưởng-thụ nền học-vấn phương tây mà lại có một cốt-cách rất á-đông. Thơ ông bao-la, vắng vẻ như những bức tranh tầu, trong đó trời, mây sông núi choán cả phần chính :

(Xem tiếp trang 23)

(1) Baudelaire cũng có một bài tương-tự : A une passante. O toi que j'eusse aimée, ô toi le savais.

NHẠC DIỆU

Nếu làm thơ chỉ cần biết tính đốt ngón tay đếm cho đủ chữ, và moi óc tìm vần để hạ câu, thì hết thảy ai ai cũng thể là thi sĩ. Horace, nhà đại thi hào La-mã, cho rằng chỉ đáng danh hiệu ấy những bực thiên tài, có một áng thông minh xuất chúng, « miệng nầy lên những lời văn trác tuyệt ». Thi sĩ, những người mượn ngọn bút muôn mầu của nàng Ly Tao để đưa hồn ta đến tận bến Mơ, những nhạc công có cây đàn muôn điệu ca « vẻ đẹp u trầm đắm đuối hay ngây thơ, cũng như vẻ đẹp cao siêu hùng tráng của non nước, của thi văn tư-tưởng», nếu không có một nghệ thuật cao siêu thì sao sai khiến được lòng ta như thế? Không những họ trấn áp được lý-trí của ta, mà cả đến trí tuệ, tình tình, cùng thân thể ta nữa, cũng bị họ chiếm đoạt, như nhời Hippolyte Taine đã nói: « Tình tình họ nhập vào thần kinh ta họ đối với ta như có cái thần lực của một bực tiên tri.» Đó phải chăng là vì những thi sĩ có tài đã biết truyền lan được hết cái rung động của mình cho người đọc, bằng sự huyền diệu của mầu và của tiếng, của hình ảnh, và nhạc điệu âm thanh?

Thơ tức là nhạc diệu. Thiếu nhạc điệu, thơ chỉ là một thứ văn suôi trá hình, cũng như không hương không sắc, hoa nào còn gọi là hoa? Tại làm sao lý-trí tuy mịt mù trước một bài thơ bí hiểm của P. Valéry, tâm hồn ta cũng có thể khoan khoái như khi nghe một khúc nhạc du dương? Tại làm sao không hiểu được một bài thơ chữ nho, tôi cũng rung động khi thấy ngâm bên tai mấy vần trác luyện của Lý thái Bạch hay Tô đông Pha?

Cô tô thành ngoại Hàn Sơn Tự
Dạ bán chuinh thanh đáo khách thuyền.

Hai câu Đường thi bất hủ ấy tôi được nghe thấy ngâm ngợi từ thủa nhỏ, và tuy hồi ấy tôi không biết qua một chữ nho, ký ức tôi cũng ghi chép ngay một cách rất dễ dàng đó há chẳng do kết quả lạ-lùng của âm hưởng thơ? Nhờ sự khéo hòa hợp âm thanh và vần điệu, nhời thơ nhịp-nhàng thánh-thot bên tai ta, thanh hưởng và nhạc điệu vang động và thấm nhuần đến tận đáy lòng ta, ta rung động vô tình tức khắc, tuy lý-trí nhiều khi chưa thông hiểu được hết nghĩa câu thơ.

« Trước hết, cần phải có nhạc điệu đã ! » (De la musique avant toutes choses : Verlaine). Quan-niệm về thơ của phái « Tượng trưng » (Les Symbolistes) bên Pháp chính là quan niệm của các nhà văn trong « Xuân thu nhã tập » bây giờ. Thơ cần phải có nhạc điệu, nhưng sách nào dạy phương-pháp tạo nên nhạc điệu trong thơ, cũng như sách nào dạy được ta trở nên một thi sĩ có tài? Đấy là một việc thuộc về thiên tư: Thơ Virgile nhiều âm hưởng hơn thơ Lucrèce, thơ Racine êm ái hơn thơ Corneille, thơ Lamartine du dương hơn thơ Victor Hugo. Về phương diện đo, trong văn ta không ai bằng cụ Nguyễn Du

Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.
—Gương nga chênh chếch dòm song,
Vàng reo đầy nước cây lồng bóng sân.
Là là lả ngọn đông lân
Giọt sương đeo nặng cành xuân la đà.
Một vùng cỏ áy bóng tà,
Gió hiu hiu thổi một và bông lau.

Những câu thơ êm ái vào bực nhất trong thi ca Việt-nam ấy có thể đề ngang hàng với những vần thơ du dương nhất thế giới. Hỡi ai mang một khối óc thi nhân, hãy để tâm hồn rộng mở đón làn sóng thơ rồn rập tới tự phương trời Nhạc-điệu. Hãy lắng tai nghe nàng Kiều dặn em trước khi ly biệt: một mối sầu êm dịu thấm vào tận lòng ta. Dường như phảng phất đâu đây, giữa làn khói tỏa hồn người thiếu phụ: « khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan »:

Mai sau dầu có bao giờ
Đốt lò hương ấy se tơ phím này.
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.
Hồn còn mang nặng lời thề
Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai.
Dạ đài cách mặt khuất lời,
Vầy xin chén nước cho người thác oan.
Bây giờ trâm gẫy bình tan,
Kể làm sao siết muôn vàn ái ân.
Trăm nghìn gửi lạy tình quân,
Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi.....

Ảo não và êm đềm thay mấy câu thơ tả nỗi đau đớn người chinh phụ lúc tiễn đưa chồng:

Ngoài đầu cầu nước trong như lọc,

LƯU TRONG THƠ

VŨ BỘI LIÊU

Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
Đưa chàng lòng dưới dượi buồn,
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.
Nước có chảy mà phiền chẳng tả,
Cỏ cơ thơm mà dạ chẳng khuây.
Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,
Bước đi một bước dây dây lại dừng.
(Chinh phụ ngâm)

Ta phải tự hào rằng tiếng Việt-nam là một thứ tiếng chứa rất nhiều âm hưởng và đủ năng lực diễn tả được tất cả những tình cảm phức tạp trong lòng người. Nhưng bên cạnh những bực đại thi hào ấy, có biết bao nhiêu « thợ thơ » đáng thương hại, làm hổ mặt nàng Ly-Tao bằng những câu văn không có mảy may nghệ thuật. Nhiều lần tôi đã phải chau mày tự hỏi: Hồn thơ Việt nam đã đến ngày tiêu diệt rồi chăng? Sao có kẻ hạ bút viết được những câu như thế này:

— Dưới trời dặt một giống ma,
Quanh mình nhung nhúc trông mà sợ thay...
— Duyên tơ tóc trăm năm thề thốt,
Hẹn cùng nhau thờ một chữ tùng v. v...
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô?

LƯU TRỌNG LƯ

Bài thơ này nhắc ta nhớ đến « Tiếng hát mùa thu » (Chanson d'automne) của Verlaine: cũng như Lưu trọng Lư, thi sĩ Pháp chỉ ghi chép những cảm giác về thinh quan: Nào là tiếng đàn bi ai, tiếng chuông đồng hồ và cả tiếng lá vàng vi vu bay theo chiều gio.

Chanson d'automne:	Tiếng hát mùa thu:
Les sanglots longs	Đàn ai bi ai
Des violons	Réo rắt bên tai
De l'automne	Những buổi ngày thu
Blessent mon cœur	Ta bồn ủ rũ,
D'une langueur	Hồn trí đê mê
Monotone.	Tìm ta tái tê.
∴	∴
Tout suffocant	Chuông giờ vắng lặng
Et blême quand	Bốn bề im lặng
Sonne l'heure,	Cảnh vật buồn tênh,
Je me souviens	Nhớ lại ngày xanh
Des jours anciens	Tâm sự tơi bời
Et je pleure.	Hạt lệ tuôn rơi.
∴	∴
Et je m'en vais	Rồi ta ra đi
Au vent mauvais	Theo gió vu vi
Qui m'emporte	Mặc theo chiều gió
De ça de là	Chẳng nề đây đó
Pareil à la	Trước gió vật vờ
Feuille morte.	Tựa chiếc lá khô
Verlaine	BẠCH LƯƠNG NGỌC dịch

May thay phong trào thơ mới đã sản xuất ra nhiều thi sĩ có tài: Thế Lữ, Xuân Diệu, Lưu trọng Lư, Huy cận v. v... đã viết nên nhiều bài thơ đầy nhạc điệu. Như bài « Tiếng thu » dưới đây thật là một áng văn đặc sắc. Đọc lên ta cảm thấy một thứ âm hưởng nhẹ nhàng thanh thoát. Từ trước đến nay các nhà thơ đua nhau khóc mùa thu: mỗi khi lá vàng rụng úa, bức « khăn hồng » của những thi sĩ đa sầu lại tầm tã « giọt lệ thu ». Họ thi nhau tả cảnh giời thu ảm-đạm, hơi may lạnh-lùng, nhưng chưa ai như Lưu trọng Lư cho ta nghe tiếng mùa thu thổn thức, lá thu kêu sào sạc, cùng tiếng con nai vàng đạp trên lá vàng khô.

MÙA THU

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thổn thức?
Em không nghe rạo rực
Hình ảnh kẻ trinh phu
Trong lòng người cô phụ?
Em không nghe rừng thu
Lá thu kêu sào sạc,

Về âm hưởng bài « La pluie » của P. Verlaine cũng là một công trình kiệt tác: nhời thơ êm đềm, lưu xướng (fluide), thi sĩ đã đạt được mục đích của mình, là tìm được nhạc điệu trong thơ.

La pluie	Giời mưa
Il pleure dans mon cœur	Trời mưa trong lòng tôi
Comme il pleut sur la ville	Như mưa ngoài đường phố
Quelle est cette langueur	Cái buồn chi giết người
Qui pénètre mon cœur?	Nó thấm vào lòng tôi?
∴	∴

O doux bruit de la pluie	Lách tách tiếng mưa rơi
Par terre et sur les toits!	Trên nóc nhà dưới đất
Pour un cœur qui s'ennuie,	Đối với lòng ngậm ngùi
O le chant de la pluie!	Buồn! ôi tiếng mưa rơi!
∴	. .
Il pleure sans raison	Trời mưa vô căn cớ
Dans ce cœur qui s'écœure.	Thánh thót trong long đau
Quoi? Nulle trahison	Quái! đau vì sao chớ?
Ce deuil est sans raison.	Buồn này thật vô cớ
∴	. .
C'est bien la pire peine	Nghĩ cứ buồn rầu hoài
De ne savoir pourquoi	Vì không hiểu sao thế
Sans amour et sans haine	Không yêu không ghét ai
Mon cœur a tant de peine.	Mà lòng tôi đau hoài.

PAUL VERLAINE — LE VĂN HÒE dịch (Thi thoại)

Đọc bài thơ trên, ta nhận thấy điều này: câu đầu và câu cuối trong mỗi tiết (strophe) đều cùng hạ vần bằng một chữ như nhau: cœur... cœur, pluie... pluie, raison... raison, peine.. peine. Sự lắp lại chữ ấy có phải như tả được nỗi buồn rầu vô cớ cứ ám ảnh thi nhân hoài, muốn sua đuổi đi mà không được. Huy Cận trong bài «Buồn đêm mưa» dưới đây cũng dùng gần như cùng một lối: ta thấy rất nhiều tĩnh tự ghép, lập thành do một tiếng lắp lại như: nằng-nặng, buồn-buồn, dìu-dịu, rời-rạc, lẻ-loi, hiu-hắt, v. v... và những tiếng đề liền nhau, cùng bắt đầu bằng một chữ như: nương-nước, rơi rơi, bốn bề, v. v. Cách ấy khiến ta cảm được hết sự chán nản tràn ngập tâm hồn tác giả những khi giời mưa cứ đều đều và thánh thót từng giọt một troug lòng thi sĩ.

BUỒN ĐÊM MƯA

Đêm mưa làm nhớ không gian
Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la
Tai *nương-nước* giọt mái nhà
Nghe trời *nằng-nặng* nghe ta *buồn buồn*
Nghe đi *rời-rạc* trong hồn
Những đêm xa vắng dặm mòn *lẻ loi*...
Rơi rơi... dìu dịu, rơi rơi...
Trăm muôn giọt nhẹ nối lời *vu vơ*...
Tương tư hướng lạc, phương mờ ..
Trời nghiêng gối mộng *hững-hờ* nằm nghe.
Gió về, lòng rộng không che,
Hơi may *hiu hắt bốn bề tâm*

HUY CẬN

Ta lại còn thấy rằng Huy Cận đã dùng lối «nghĩ âm hòa điệu» (harmonie imitative): rơi rơi... dìu dịu rơi rơi.. : có phải như nghe được tiếng những giọt mưa đang tí-tách bên thềm. Đọc bài này, ta không thể không nhớ đến bài «Sương rơi» của Nguyễn Vỹ viết theo một tiết điệu mới lạ Những câu thơ chỉ có hai tiếng ấy thánh thót bên tai ta, như những giọt sương đã rơi vào lòng thi sĩ để «thành một vết thương».

SƯƠNG RƠI ..

Sương rơi		
Nặng trĩu		
Trên cành		
Dương liễu		
Nhưng hơi		
Gió bấc		
Lạnh lùng		
Hiu hắt	Rồi hạt	
Thấm vào	Sương trong	
Em ơi,	Tan tác	
Trong lòng	Trong lòng,	
Hạt sương	Tả tơi	Rơi sương
Thành một	Em ơi!	Cành dương
Vết thương	Từng giọt	Liễu ngã
	Thánh thót,	Gió mưa
	Từng giọt	Tơi tả
	Điêu tàn	Từng giọt,
	Trên nấm	Thánh thót,
	Mồ hoang!	Từng giọt,
		Tơi bời,
		Mưa rơi
		Gió rơi,
		Lá rơi,
		Em ơi!..

— Ông Đoàn phú Tứ, trong bài «Âm thanh» (Thanh-Nghị 1er Juin 1942) bày tỏ rằng trong tiếng nói Việt-nam, một số gần nửa đã được kết tạo theo định luật rất rõ rệt này «Âm thanh vốn có năng lực diễn tả tình ý» A. de Piris (1785) bên Pháp trong quyển «Harmonie imitative de la langue française» cũng biện chứng rằng tiếng Pháp có năng lực tượng thanh và tượng hình rất lạ lùng Theo tác giả không có tiếng gì mà không miêu tả được bằng âm thanh. Đây là tiếng rắn phun:

Pour qui *sont ces serpents qui sifflent sur* vos têtes. (Racine).

Tiếng thác chảy trong một bài văn của Chateaubriand:

On entend*ait* les sourds mugissements de la cataracte du Niagara qui se prolong*eaient* de dés*ert* en dés*ert* et se per*daient* à trav*ers* les for*êts* soli*taires.*

La Fontaine và cụ Nguyễn Du đã dùng cùng một lối để tả cái xe ngựa khó nhọc, nặng-nề tiến trên con đường gồ ghề, khúc khuỷu:

...Le coche arrive *au haut.*
Vó câu *khấp khểnh*, bánh xe *gập ghềnh.*

Hai câu sau này cho ta nghe tiếng một cái xe đang tung bụi ầm ầm chạy như bay:

Dùng dùng gió dục mây vần,
Một xe trong cõi *nông trần* như bay (Kiều)

Và sau cùng, đây là tiếng gáy buổi sớm của chim sơn ca:

La gentille alouette avec son *tire-lire, Tire l'ire* à *l'iré,* et *tire-lirant lire vers* la *voûte* du *ciel;* puis *son vol vers ce* lieu *Vire et désire dire; Adieu, Dieu adieu, Dieu*

Lối « nghĩ âm hòa diệu » bằng tượng thanh chỉ là một cái tiểu sảo trong văn chương. Nhạc điệu thường tạo nên do cách khéo lựa chọn âm thanh và tiết điệu.

Vì đã thoát khỏi những khuôn phép trật trội và nghiêm khắc chói buộc tư tưởng, nên các nhà thơ mới có thể chon được âm thanh để tả hình, tả tiếng. Họ đã biết dùng những tiếng mạnh mẽ để tả những « cảnh vĩ đại sóng ngh êng trời, thác ngàn đổ », những tiếng nhẹ nhàng êm ái để vẽ « nét mong manh, thấp thoáng cánh hoa bay »,

Người ta thường hay so sánh cách tả tiếng trong truyện Kiều và trong « Mấy vần thơ » của Thế Lữ. Này đây tiếng đàn của nàng Kiều gầy trước mặt chàng Kim Trọng :

Trong như tiếng hạc bay quạ
Đục như nước suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan, như gió thoảng ngoài.
Tiếng mau sầm sập như giời đổ mưa.

Thế Lữ cũng tả âm thanh, nhưng lạ lùng thay, ngòi bút tài tình của thi sĩ như vẽ cho ta « trông thấy » được tiếng sáo khi lên khi xuống, khi theo con hạc trắng bay vút lên tận từng mây, khi uốn mình nhẩy múa trong không như người ngọc-nữ lại khi là là trên ngọn cây hay bay lướt bên bờ suối :

Bên rừng thổi sáo một hai kim-đồng
Tiếng đưa hiu hắt bên lòng
Buồn ơi xa vắng mênh-mông là buồn,
...Theo chim, tiếng sáo lên khơi
Lại theo giòng suối bên người tiên-nga
Khi cao vút tận mây mờ,
Khi gần vắt vẻo bên bờ cây xanh.
Êm như lọt tiếng tơ tình,
Đẹp như ngọc nữ uốn mình trong không.

(Tiếng sáo thiên thai)

« Tiếng sáo thiên thai » vừa dứt, lại nổi lên tiếng trúc tuyệt vời » :

Tiếng địch thổi đâu đây
Cớ sao nghe réo-rắt ?
Lơ-lửng cao đưa tận lưng trời xanh ngắt
Mây bay... gió quyến... mây bay.
Tiếng v...i v...út như khuyên van như dì...u dặt
Như h...ắt h...iu cùng h...ơi gi...ó h...eo may
(hãy chú ý đến cách dùng bốn tiếng bắt dầu bằng chữ H trong câu này)

(Tiếng trúc tuyệt vời)

— Một lần khác nàng Kiều lại đánh đàn, nhưng lần này tiếng đàn như chứa chất sự oán hờn cùng nỗi đắng cay đau đớn, vì phải gẩy cho Hồ tôn Hiến nghe sau khi Từ Hải đã bị Hồ giết chết :

Một cung gió thảm mưa sầu
Bốn giây đổ máu năm đầu ngón tay.
Ve kêu vượn hót nào tầy
Lọt tai Hồ cũng nhăn mày rơi châu !

Thế Lữ cũng tả tiếng đàn ảo não trên sông Hương, trong mấy vần thơ trác luyện :

Ta tưởng thấy bao nhiên điều đau khổ,
Với bao nỗi hờn đau trong vũ trụ
Như hẹn hò thu lại một đêm nay,
Đương nỉ non thanh thoát ở trên giây
Theo mấy ngón đê mê nhà nghệ sĩ
Ôi ! thuốc độc êm đềm, giọng đàn ủy mị,
Bởi vì đâu reo xuống mãi lòng ta
Những giọt nồng cay tê-tái say sưa

— Tiếng đàn réo rắt trong khúc « Tỳ bà » của Mộng Thu, một bài thơ êm ái lạ lùng, đọc lên như thấy mát mẻ êm dịu cả tâm hồn. Thi sĩ đã tìm được một nhạc điệu mới lạ bằng cách dùng rặt vần bằng trong suốt cả bài thơ :

TỲ BÀ

Nàng ơi ! tay đẹm đương giăng mềm
Trăng đan qua cành muôn tơ êm
Mây nhưng phơi mầu thu trên trời
Sương tan phơi mầu thu muôn nơi

∴

Cây đàn yêu đương làm bằng thơ
Giây đàn yêu đương run trong mơ
Hồn về trên môi kêu : Em ơi
Thuyền hồn không đi lên chơi vơi

∴

Tôi qua tim nàng vang du dương
Tôi mang lên lầu lên cung thương,
Tôi không bao giờ thôi yêu nàng
« Tình-tang » tôi nghe như tình lang.

∴

Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi
Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi
Đâu tìm Đào nguyên cho xa sôi
Đào nguyên trong lòng nàng đây thôi

∴

Thu ôm muôn hồn chơ phiêu diêu
Sao tôi không nàng kêu : Em yêu
Trăng này không nàng như trăng thiu
Đêm này không nắng như đêm hiu

∴

Buồn hiu cây đào vin hơi xuân
Buồn sang cây tùng thăm Đông quân
Ô hay ! buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi ! Vàng rơi ! Thu mênh mông

(MỘNG THU)

Trong « Thơ thơ », Xuân Diệu cũng cho ta nghe tiếng « Nhị hồ » :

Điệu ngả sang bài Mạnh lệ Quân
Thu gồm xa vắng tự muôn đời.
Sương nương th[illegible] trăng ngừng lưng trời
Tương tư nâng [illegible] lên chơi vơi...
— Và sau cùng, [illegible]a tiếng tiêu ảo não.

Trong quyển « Thi nghệ », một quyển sách đã giúp tôi một ít tài liệu viết bài này ông Vân Hạc nói về những áng thơ hay, có trích bài « Tiêu Lang » của Thao Thao, làm tỉ dụ. Đó theo nhời tác giả, là một bài thơ có giá-trị, « hay như một khúc tiêu vậy, vì chính nó là một khúc tiêu, một khúc tiêu không tiếng, một khúc tiêu bằng thơ. Thi sĩ, bằng những vần *u*, *âu* lắp đi lắp lại nhiều lần, cho ta

nghe văng vẳng tiếng tiêu trong một bài thơ, từ đầu đến cuối »:

TIÊU - LANG

Khi còn Hồ *thu* nàng hát như *du*,
Như đẩy người vào thế giới mịt *mù*,
Để mơ màng với trăng trong gió mát
Thì tiếng tiêu của Tiên lang man mác
Như hơi bay, như gió thoảng vi-*vu*...

∴

Nhưng Hồ *thu* mỏng mảnh kiếp phù-*du*
Một chiều *thu* đã xa lìa cõi thế.
Và người yêu nhìn đầm đìa giọt lệ,
Ôm Hồ-*Thu* hồn vỗ cánh cao bay,
Theo Tử Thần lướt gió và đè mây...

∴

Từ đấy Tiêu-Lang âm thầm sớm tối
Ống tiêu treo cũng thờ ơ biếng thổi
Vì thổi chi trong lúc thảm thê *sầu*,
Thà ôm đau mà *rầu* rĩ canh *thâu* !

∴

Nhưng đêm qua, Tiêu-Lang chợt rền rĩ
Cô dặt dìu ngân nga và kể lể
Nỗi lòng đau chất chứa vắng Hồ-*Thu*
Tàn canh còn vàng vẳng tiếng vi-*vu*...

∴

Nhưng bình minh thì Tiêu-Lang ngừng thổi,
Và lạng im, vì gần khi hấp hối
Chàng gượng đem tàn lực gửi trong tiêu ..

THAO THAO

— La Fontaine đã dùng những chữ mạnh mẽ để tả sức mạnh một trận cuồng phong, rít lên những tiếng kêu ghê gớm :

...Se gorge de vapeurs, Siffle comme un ballon,
Fait un vacarme de démon, Siffle, souffle, tempête,...

Trong đoạn sau này của Huy Thông, những âm thanh hùng tráng tả được hết cảnh hùng tráng của một trận bão ban đêm :

Có nhiều đêm tối đen như địa phủ
Sóng *dữ dội* như ma thiêng *kêu rú*
Đương khi, trong đám tối, chớp *bập bùng*
Và *giông gào*, và sấm sét *đùng đùng*.
Hỡi sóng đêm hỗn độn *lôi đình* quát tháo,
Cả vũ trụ như vùi trong trận bão...

(Sóng đêm)

Ai là người không thuộc những câu thơ của Thế Lữ kể đời oanh liệt của con hổ trong rừng xanh :

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thủa *tung hoành* hống hách những ngày xưa
Nhớ cõi sơn lâm bóng cả, cây già
Với tiếng gió *gào* ngàn, với giọng nguồn *hét* núi.
Với khi *thét* khúc trường ca *dữ dội*
Ta bước chân lên *dõng dạc đường hoàng*.

(Nhớ rừng)

MỸ TỪ PHÁP TRONG VĂN CHƯƠNG

DANH-VĂN NGOẠI QUỐC

THANH-NIÊN LẬP CHÍ

TÔN DẬT TIÊN

Những đoạn văn trích đăng sau đây, rút ở một bài diễn văn của Tôn dật Tiên diễn ở trường Đại học Lĩnh-nam ngày 11 tháng 12 năm Trung-hoa dân quốc thứ 12 tức là 1924.

Trường Lĩnh-nam là một trường Đại-học ở Quảng đông có tiếng nhất ở miền nam Trung quốc. Trường này do người Hoa-kỳ chủ trương.

PHAN QUÂN dịch

«...Ở Trung-quốc bây giờ, khắp mọi nơi có nạn binh đao nhân-dân cầu khỏi chết chưa xong, huống chi còn có lực mà cho con em đi học, liệu được bao người! Mà trong những người đi học, liệu được mấy người được may mắn như các anh đây, học tại một trường Cao-đẳng có tiếng! Như riêng tỉnh Quảng-đông này dân số ước độ 30 triệu già có 1/10 thanh niên thì chừng được 3 triệu thanh niên. Thế mà học ở trường này chỉ có hơn 1 ngàn người, vậy mới biết các anh may mắn hơn người biết là bao!... Đã được hưởng sự may-mắn đặc biệt như thế, tất sau này các anh phải thi xả cho xã-hội mà đền bồi cho những kẻ không may.

Muốn thế phải làm cách gì?

Hiện nay các anh chưa tốt-nghiệp tri-thức học vấn chưa thành tựu cố nhiên là chưa thể yêu cầu các anh nhất định làm một việc gì được. Nhưng tuy chưa làm, cũng có thể dự-bị trước, mà theo ý tôi, thì trong thời-kỳ dự-bị này, cần nhất là phải lập chí. Lập chí là một sự tối quan trọng đối với người đi học.

Cách hai ba mươi năm về trước, người đi học có một cách lập chí là đóng cửa đọc sách cho đến khi thi đỗ vào viện Hàn-lâm rồi để làm quan to. Nay tôi mong các anh sẽ không lập chí theo lối ấy nữa, mà lập chí cao hơn. Ngày trước người ta lập chí chỉ vụ hạnh phúc cá nhân; Ngày nay lập chí phải chú trọng hạnh phúc của nhân quần xã-hội.

Xác thực mà nói, thì thanh niên Trung-quốc ta lập chí ở nơi nào? Tất phải kiến thiết Trung hoa dân quốc khiến được văn minh cường thịnh có thể ngang hàng với các nước mạnh ở hoàn-cầu...

Lập chí theo mục đích ấy bất tất phải làm quan to trong trường chính-trị. Vả chăng cổ kim nhân vật, những người có tiếng trong lịch-sử, không phải là người làm quan to, nhưng chính là những người có công với xã-hội. Bất cứ làm một việc gì, hễ có có công với đoàn thể, tức là ta có thể lưu danh trong sử xanh. Vậy cho nên, tôi khuyên các anh, lập chí thì phải làm việc to, chứ chẳng cần phải làm chức to...

Thế nào là việc to?

Bất cứ việc gì (thí dụ như sự tìm tòi về khoa học, sử học, văn học v. v...) hễ cố công cùng sức làm đến nơi đến chốn, cho thành công. Đó là việc to cả.

Trong lúc ta học, ham một môn gì, thích một vấn-đề gì, thì nên tha thiết nghiên cứu, sưu tầm cho tới lúc thành công, chớ nửa đường bỏ giở!

Lập chí không phải là hôm nay định tâm làm thì mai phải tới một địa vị phú quý. Không! Lập chí làm vua làm tướng đời xưa, nay đã hủ rồi! Phải đạp đổ đi. Lập chí ngày nay là chuyên tâm làm một việc, cho tới lúc thành công như về khoa học, nếu mình phát minh được một sự vật gì thì hoàn-cầu sẽ nức tiếng: các anh chớ phiền về nỗi không được một địa-vị cao trong xã-hội!

(Xem tiếp trang 29)

Nhời than của con hổ bị sa cơ nào có khác gì tiếng kêu đau đớn của Hang Võ lúc đường cùng, trong bài « Tiếng địch sông Ô » của Huy Thông. « Chưa bao giờ thi ca Việt-nam có những lời hùng tráng như thế... Hơi văn dến thế thực đã đến bực phi thường. Anh hùng ca của Victor Hugo tưởng cũng chỉ thế » (Thi nhân Việt-nam) :

Nén đau thương, vương ngậm ngùi sẽ kể
Niềm ngao ngán vô biên như trời bể...
Ôi! tấm gan bền chặt như Thái Sơn,
Bao nhiêu thu cay đắng chẳng hề sờn!
Ôi! những trận mạc khiến trời long đất lở!
Những chiến thắng tưng bừng! những vinh quang rực rỡ
Ôi! những võ công oanh liệt trốn sa-trường!
Những buổi tung hoành, lăn lộn trong rừng thương!
Những tưởng dũng bị đầu vẫng trước trận...!
Nhưng, than ơi! vận trời khí đã tận,
Sức « lay thành nhổ núi » mà làm chi!

(Tiếng địch sông Ô)

Chế Lan Viên trong tập « Điêu Tàn » cũng tìm được những lời hùng tráng bi ai để ca nỗi đau đớn oán hờn của dân Chàm bị tiêu diệt một cách thảm thương. Thi sĩ dắt ta vào một thế giới rùng rợn, ở nơi ấy một con yêu tinh đang :

...« lấy ra một khớp xương rợn trắng
Nút bao giòng huyết đẫm khí tanh hôi,
Tìm những miếng trần gian trong tủy cạn
Rồi say sưa, vang cất tiếng reo cười.

Ta theo tác giả đi thăm những « cảnh ngàn sâu cây lả ngọn, Muôn ma Hời sờ soạng dắt nhau đi », hay những bãi chiến trường cũ, nơi xưa kia đôi bên giao trận :

Muôn cô hồn tử sĩ hét gầm vang.
Máu Chàm cuộn tháng ngày niềm oán hận,
Xương Chàm rơi rào rạt nỗi căm hờn.

và đây là những :

...tháp gầy mòn vì mong đợi
Những đền xưa đổ nát dưới Thời gian,
Những sông vắng lê mình trong bóng tối,
Những tượng Chàm lở lói rỉ-rên than.

Và sau cùng để chấm hết bài này, tôi xin hiến các bạn mấy vần « thơ say » của Vũ hoàng Chương, những vần thơ « lảo đảo mà nhịp nhàng » viết theo điệu kèn khiêu vũ :

Âm ba gờn gợn nhỏ
Ánh sáng phai phai dần...
Bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân.
Lui đôi vai, tiết [illegible] chân,
Riết đôi tay, ng[illegible] thân,
Sàn gỗ trơn chớp chờn như biển gió... (Thơ say)

Âm thanh và tiết điệu thật đã đưa nhà văn đi tới những kết quả không ngờ.

(còn nữa)

VŨ BỘI LIÊU

PHÁP VÀ VĂN CHƯƠNG VIỆT-NAM

BỨC THƯ CỦA BÀ NỮ-HOÀNG

Truyện ngắn của Sinclair Lewis được giải thưởng Nobel năm 1930

PHẠM GIA KÍNH

(Tiếp theo và hết)

TRONG hai tiếng đồng hồ ấy, ít nhất cũng có mười phút, Selig thấy mình như lạc vào một thế giới hoang đường. Tưởng nhật, đối với ông một tháng một lần ngồi nhà uống hết một chai bia đã là say sưa qúa lắm. Mà hôm nay thì ông ngồi tập quấy rượu whisky với nước soda để uống. Ông lo theo cho đúng lối các nhà ngoại giao từng cử chỉ một, và uống rượu hệt như cụ nghị Ryder.

Cụ nghị, vốn tay xành rượu, ngồi điềm nhiên nhấm nhót, lắc lư cái tẩu hoa, khoan khoái lắm. Còn Sélig thì như bay bổng trên mấy triệu ngàn thước mây hồng xẹt chớp loáng, bàng hoàng choáng váng như ở tầng không.

Cụ nghị cứ nói hoài nói hủy về những tờ trình về đường xứ Cuba và về gai xứ Colorado.

Khi Iddle lù lù đem xe lại đón giáo sư Sélig về thì cụ trả lời gọn rằng:

— Giáo sư Selig ở lại ăn cơm đây. Rồi tôi sẽ cho đánh xe đưa giáo sư về.

Cái bữa cơm tối hôm ấy... Selig, tuy không đọc iều thuyết nhiều nhưng đã được mơ tưởng qua một trang sách mà ông đã đọc, « những ánh nến êm đềm trong bóng tối, phản chiếu trên những bức gỗ quí nối nhau san sát như một tấm gương mờ, những dá đèn hồng, những đồ đạc cổ ». Nên ông mường tượng những toà nhà qui phái trang hoàng nguy nga những gạc hươu nai, những huy-biểu, với những áo giáp võ sĩ thời xưa:

Vậy mà không, cái phòng ăn của cụ nghị không hề trang hoàng qua một thứ đồ quí ấy; không qua một chiến tích, một huy-biểu, không có đến một thanh gươm, một lưỡi kiếm. Le lói có ánh sáng những cây nến, nhưng tịnh không có một đồ gỗ gì quí phản chiếu cái ánh sáng ấy, có chăng nhỉ có một bức thêu dát bạc ma thôi. Phòng ăn này giải, rất dản dị: hai bên tường loáng thoáng có mấy tấm họa, và cớ treo những bức chân-dung cổ. Tuy nhiên, Sélig cũng tưởng như sống trong một chuyện thần tiên mà chưa hề mơ tưởng đến bao giờ.

Bữa cơm cũng là bữa cơm [illegible] ng nhà quê. Chàng trẻ tuổi cứ tưởng thế nào [illegible] có những món như lưỡi chim trĩ với trứng cá chiên, nuối. Thực ra chỉ có món sườn và mì nấu nho thôi. Nhưng trước mặt mỗi quan khách, trồng bốn chiếc cốc; không kể nước lọc là thứ uống hàng ngày ở Erasmus, chàng còn dụt dè nếm cả rượu nho bourgogne và rượu sâm banh nữa.

Ngày trước ở Iowa và Erasmus vì thử có hỏi ý kiến của giáo sư Sélig về rượu sâm-banh thế nào chắc hẳn ông đã bảo đó là một thứ rượu thực xấu xa, nó làm cho mơ màng đến bọn gai lẳng lơ, những chuyện dâm đãng, những uoc đỏ đen thua thay rồi kết liễu đến đánh nhau thành ra án mạng Vậy mà bây giờ chính cái lúc mà ông nhấm nháp thứ rượu phiếm đãng ấy là lúc cụ nghị Ryder bắt đầu nói chuyện đến sự khoái lạc của cụ về sự chấn-hưng đạo Gia-Tô ở Anh-cát-Lợi.

Không, thực quả sự hiện tại, đối với ông, đã biến đâu mất rồi.

Cụ nghị hỏi câu này, lại làm cho sự vui của ông khách ăn cơm tăng lên đến cực điểm:

— Tối ngày kia mời ông lại đến sơi cơm với tôi, nhé? Ông nhận lời phải không. Được, thế thì tôi sẽ cho Martens đúng bầy giờ rước lại đón ông nhé. Mặc áo thường thôi, đừng bầy vẽ gì cho bận.

Tối hôm ấy Sélig trở về nhà, tri óc hoang mang một cách lạ. Ngồi trong chiếc xe hơi, do người tài sế kiềm bồi buông của cụ nghị lái, ông ôn lại trong trí tất cả những đoạn sách của ông, trước sao mù mờ mà nay sao sáng xuốt lạ thường.

. . .

Khi ông về đến Sky Peaks, thấy cả đoàn còn đương xúm quanh ngọn lửa trại gần tàn.

Cô Selma Swanson trông thấy ông, gọi lớn tiếng:

« Kìa! ông giáo sử-ký của tôi ơi, ông Iddle nói chuyện rằng tối nay ngài lại chơi nhà cụ nghị Ryder, phải không? Ông ấy bảo rằng cụ ấy là một người danh giá lắm và đã làm một nhà đại chính trị.

Sélig thản nhiên khẽ trả lời:

— Phải. Cụ ấy cũng tốt, đã giúp tôi giải quyết được mấy vấn đề khó khăn.

Nhưng khi chàng về đến phòng ngủ, thì cao hứng nói một mình:

— Vì thử mất bạc vạn, ta cũng mất để làm bạn với ông nguyên-lão nghị-viên này! người đâu mà qui hóa thế!

Về phần cụ nghị Lafayette Ryder, thì sau khi ông khách đi khỏi rồi, cụ cũng chẳng nhớ ông khách ấy tên là Sélig... hay Sélim... hay Salem nữa, — cụ ngồi một mình ở chiếc bàu giải trong phòng ăn, tay cầm điếu thuốc lá, rầu rầu trước cốc rượu « cốt nhát » đã cạn, mà nghĩ rằng:

— Ừ anh chàng này dễ chịu đây, mà thông minh Người ở tỉnh nhỏ mà lịch sự. Thế ra trên quả đất này, còn có người biết rằng có ta là Lafayette Ryder ư.

Cụ bấm chuông gọi. Cô vú Tully tóc quăn đã nhẩy nhót chạy ra miệng lắp bắp:

— Bẩm cụ nghị bây giờ mời cụ đi nghỉ chứ?

— Chưa. Mà tôi có gọi chị đâu. Tôi bấm chuông gọi Martens đấy chứ.

— Anh ấy còn đi tiễn ông khách kia mà.

— Ừ! Thế thì bảo bếp nó ra đây tôi bảo và cho tôi chai rượu mạnh nhé.

— Ôi, cha ôi? Cha muốn làm những phải không?

— Những à? Ừ đấy! Nhưng ai cho phép chị gọi tôi bằng cha?

— Chính cụ chứ còn ai! năm ngoái, cụ...

— Nhưng năm nay, tôi có bảo đâu.

Thôi hãy đem chai rượu mạnh ra đây.

— Con đem cho cụ chai rượu thì cụ đi ngủ chứ?

— Chưa.

— Nhưng mà ông đốc-tờ...

— Ông đốc tờ là con chó già mặt cá, và nhiều thứ khac nữa. Tối nay ta thấy trong mình khỏe lắm rồi. Ta thức xuốt sáng.

Sau cùng rồi cũng ổn thỏa xong: cụ sẽ thức đến mười một rưỡi thôi chứ không thức xuốt sáng, và uống một cốc rượu mạnh chứ không uống cả chai Nhưng cô Tully kể lại rằng cụ nghị phải điều đình (cũng như xưa kia trong tám mươi năm kỳ-dị, đã bao lần cụ đã phải khuất phục để điều đình với các vị vua chúa nên cụ giận lắm, lúc vào nhà tắm cụ hành đủ trò.

Tully nói chuyện với cô Tinkham: « Tôi thề rằng nếu cái ông già ác nghiệp ấy mà không trả tiền tôi hậu như thế này, thì mai tôi bỏ quách mà đi cho xong. Ông ấy tưởng ông ấy làm một nhà chính-trị hay cái quái gì như thế nữa, mà ông ấy khinh được một người vú có bằng cấp nhà nghề hẳn! »

Cô Tinkham trả lời: «Đừng, chị đừng đi. Nhưng thật quả ông ấy ác lắm. »

Hai cô nói chuyện với nhau, co ngờ đâu trong lúc bấy giờ ông cụ nằm trong giường đương hut thuốc lá, thức lom lỏm, vơ vẩn nghĩ ngợi.

Cụ nghĩ:

— Các vị thánh thần chiều chuộng mình quá đáng thật. Giữa lúc mình bị tràn ngập vì mấy con đàn bà và mấy lão đốc tờ, thì gặp một người, một người trẻ coi bộ có khối óc một nhà thông thái và có thể giữ cho sử sách những điều mà ta đã làm Thế là đủ cho ta lắm rồi. Thôi, nguyên lão nghị viên Ryder ơi, đừng than phiền nữa.. Bây giờ, nghỉ đi thôi »

Sáng giậy, cụ già lại nghĩ, chẳng biết cụ cô qúa tin Sélig không Nhưng hôm sau, khi cụ lại gặp chàng, thì cụ lấy làm xung xướng vì thấy chàng đã chóng quen với cái lối sinh hoạt lịch sự mà xưa nay chàng chưa biết: Còn Sélig thì kể chuyện cho cụ nghe rất lưu loát, cai đời trẻ trung và thôn dã của ông ở trại và cách sinh hoạt ở nhà trường.

Cụ già nghĩ: Mình thích anh chàng hày cứ chất phác thế này chứ đừng giống những hạng mầu mỡ bề ngoài mà vô vị, chúng tưởng bước chân ra được đến Greton đã là thiệp đời lắm rồi. Mình phai cho anh chàng này cái gì mới được chứ.

Đêm hôm ấy, cụ, lại thức cả đêm không ngủ bỗng trong oc nay ra một ý tưởng sáng láng lạ lùng

« Ừ ta sẽ giup anh chàng này một phen. Ta có những bấy nhiêu tiền, để cho ai? chẳng qua để cho mấy đứa ho hàng vơ vẩn chỉ thiết tiền! ta sẽ cho anh chàng này một năm xung xướng tự-do .. Ta biếu anh ta — bao nhiêu nhỉ, anh ta một nam lương bổng 2.500 mỹ kim thế thì ta biếu anh ta 5000 mỹ kim chi phi vặt ngoài không kể, để anh ta thu dọn những tài liệu giấy mac của ta. Khi ta qua thế giới bên kia rồi, ta sẽ cho anh ta cach để đem in các sử liệu ấy. Cac thư từ của John Hay, của Blaine, của Choate, ở Mỹ châu này chẳng có bộ sử liệu nào giá trị bằng được như thế thì anh chàng này tất nhiên sẽ nổi tieng cl ư.

« Nhưng thế thì con Tinkham nó sẽ trách mình, No sẽ ghen. Nó sẽ bỏ mình nó đi Ừ thì nó đi, càng hay. Mình co sợ gì. Bà năm nay, mình muốn thôi không mượn nó ma cư sợ nó giận không giám đuổi và lại mặc, mình chết rồi thì mình muôn gì nó chẳng phải theo. »

Cụ già cười gằn trong bóng tối, cai cười gằn ghê gớm của long vui thu xấu-xa. Rồi lại nghĩ:

« Phải rồi, mà nếu người bạn mơi của ta có đủ tài như ta dự đoan thì ta để cho hắn một ít tiền để hắn cho xuất bản tập thư của ta cho được hoan hảo Ừ được, đe đội cho hắn bắt tay vào làm việc xem sao. »

Trong bọn chau co quyền an hương hỏa của cụ và những phường an dưng tung quẩn sống quanh bên cụ, ho đoán tiền của cụ có đến số 20 vạn mỹ-kim. Chỉ có người làm ở nhà ngan-thị với cụ nữa la hai mới biết được rằng cai vốn ấy, trong luc cụ về hưu trí cụ đã ưa may (đắp đổi) nên nay đã thành nên một số la 100 vạn.

Lafayette Ryder, đương đem, liền nghĩ thảo một tờ chúc thư mới. Trước tien, cụ để phần nửa gia tài cho trường Đại học đã, một phần tư thì cho thành phố Wickley, còn thừa bao nhiêu để cho eác cháu giai, chau gái, không kể số tiền cho Tully, Tinkham, Martens, vân vân, với ông đốc-tờ đầy bằng cấp, mỗi người một vạn mỹ-kim, nhưng cụ hẹn cái bọn này từ đây về sau chừa không được hạn chế người cầm hút thuốc lá nữa.

Còn đối với giáo Sélig, cái anh chàng đương ngủ say ở nhà chẳng mơ mộng gì, thì cụ để cho một số tiền hai vạn rưỡi mỹ-kim, tất cả lòng âu yếm của cụ, với những tập sử liệu có một giá trị vô ngần.

Sáng hôm sau, cụ giậy, đau nhức như búa bổ la het cô Tully om xòm; trước mặt cô, cụ dám nói rằng cô đã ngam thuốc nhức đau vào nhan ngôn cho cụ uống; rồi đong thời cái phần gia tài cụ định cho Sélig cũng tụt xuống năm nghìn mỹ kim; nhưng đến tối nó lại vọt lên hai vạn rưỡi. May thay và

và xung xướng cho anh chàng trẻ tuổi ấy nhường nào.

. . .

Nói về giáo sư Wibur Sélig, buổi tối đầu tiên được cụ nghị mời ở lại ăn cơm một cách không ngờ thì cảm động như là... vi với gì được? Chẳng biết cái gì làm cho giáo sư cảm động nhất? Một vở hát vĩ đại? Một dịp được tăng lương? Hay một buổi oàn thắng của đội đá bóng tỉnh Erasmus?...

Đến bữa cơm thứ nhì, ông chủ tiệc với phong cảnh đã mất vẻ mới lạ, nên ông chỉ cảm thấy sự xung xướng êm đềm và hạm nhặt cho thật nhiều tài-liệu để làm sách. Bữa cơm thứ ba cũng dễ chịu lắm, nhưng quan giáo hình như để ý đến các món ăn hơn la nghe cụ nghị kể chuyện về sự hoảng sợ của kinh thành Baring. Thực ra giáo sư cũng đã hơi ngán vì nỗi cụ nghị cứ niu ở lại đến nửa đêm mới cho về (gớm cái cụ ích kỷ lạ) làm cho giáo sư không được đi ngủ đúng giờ, lại còn mất cả dịp bông đ[illegible] với cái cô Selma Swanson khẩu khỉnh mà dễ yêu làm sao.

Cũng có lúc giáo sư chợt thấy mình đem những tư-tưởng của cụ nghị về luân-lý ra xet đoán có khi lại chỉ trích nữa.

Ông nghĩ: Chết nỗi! có lẽ nào mình là con nhà gia-giáo, may được giao du với những bực thượng lưu trong xã hội, mà lại ngôn ngữ cử chỉ suồng sã đến thế, rượu chè bê tha đến thế? Sélig tính rộng rãi (ông vẫn tự hào có tính ấy nhất), nhưng ông xét ra thì một người đã thổi tác như cụ nghị nhẽ ra phải lo cho cái phần hồn được yên tĩnh chứ đâu lại nguyền rủa như hạng bồi ngựa ấy.

Nhưng hôm sau, Sélig tự hối rằng mình đã có những tư tưởng nghiệt ngã ấy: « Cụ nghị đối với ta tốt qúa kia mà, xét cho cùng, thì cụ rất tốt bụng vả lại còn là một nhà chính khách đại gia nữa. »

Nhưng ông lại nổi giận khi nhận được giấy nói của Martens vâng lời cụ nghị mời ông:

— Thưa quan giáo, chiều nay mời quan lại chơi nước Cụ nghị tôi muốn được tiếp chuyện quan.

— Được, rồi tôi lại.

Sélig trả lời ngắn ngủi rồi quay ra gắt một mình « Quái gở thật, cái hạng cáo già ích kỷ này, cho ma nó bắt hết đi! Làm như mình không còn gì làm hay hơn là đến túc chực hầu cho vui đấy hẳn! Mình thì còn đoạn sách đương làm dở dang kia đây. Đành rằng ông ta cho ta [illegible]iều tài liệu chưa ai biế nhưng mà mặc chứ, [illegible]e mãi cải ngôn ngữ xứ thần ấy, cũng chán tai [illegible]. Mà tài liệu để ta viết sách nay cũng đủ rồi. Vả [illegible]ì lấy gì để đi đến đấy mới được chứ? Cái ông già ấy chỉ biết ích mình hôi. Tưởng mình có tiền mua ô tô đi chắc? Lại phải kẻo bộ đến mới khổ chưa! Để xem có gì cản trở thì mặc quách, ta cứ ngồi. »

Tuy nhiên khi ông đến nhà cụ nghị, nghe cụ nói chuyện về bức thư của bà nữ hoàng Victoria, bức thư mà ai cũng tán tụng đến thì ông lại thấy hết bực mình.

Các nhà sử-học đều biết rằng hồi Benjamin Harrison làm tổng thống, nước Mỹ với nước Anh xích mích về việc hai bên bắt lẫn lầu đánh cá của nhau thì nữ h àng có ngự bút viết cho tổng-thống một bức thư. Trong bức thư ấy, người ta đoán rằng nữ vương đã than phiền vì nỗi không đem bàn thẳng ở thượng nghị viện được và yêu cầu tổng-thống triệu tập quốc hội để xét việc ấy trong phạm vi luật pháp xem. Nhưng thực sự ra thì bức thư ấy nói những gì, chẳng ai biết rõ ràng một mảy chi hết.

Hai người đương cùng nhau uống nước thì cụ nghị Ryder nghiễm nhiên nói rằng:

— Tôi có bản chính bức thư ấy của nữ hoàng Victoria.

— Thật vậy, cụ?

— Rồi hôm nào tôi sẽ cho ông xem qua lời lẽ trong bức thư đó tôi cũng có thể cho phép ông nói đến bức thư ấy trong sách của ông.

Sélig được lời, trong lòng rất phấn khởi. Bức thư này là một sự mới lạ biết dường nào! Mà ông lại được phép phát giác nó ra, thì ông cũng thành một cái mới lạ nữa chớ! Trong óc ông bấy giờ đã hình dung ngay quyển sách của ông. Ông tưởng tượng thấy mình được phô tương trên các báo, ở trang đầu...

Ông chưa định thần lại được thì cụ nghị đã nói sang chuyện khác, mà chuyện này tầm thường, và vô vị lạ đời: chuyện một ông đại-sứ nước Ba tây (Brésil) dan díu với một cô bán hàng son phấn ở Hoa-thịnh-đốn (Washington). Sélig lại muốn điên ruột. Cái giống đâu thế! tám mươi tuổi đầu rồi mà còn tưởng nhớ đến chuyện tình! Tục tĩu chưa! Còn cái thư cũ rích kia, việc gì mà phải khó khăn bí mật. Muốn cho xem, thì cho xem đi! việc gì mà phải thập thò.

Bởi vậy, giáo sư Sélig không tươi cười như trước nữa cho đến lúc chia tay ra về, cụ nghị mới lôi dưới khăn quàng của cụ ra một thếp giấy mầu lơ đã mờ xám, và khẽ nói rằng:

— Nếu ngài vui lòng, xin làm quà biếu ngài cái này, trên thế giới chỉ có sáu bản sách này mà thôi Đó là quyển sách thứ ba của tôi, chính tôi bỏ tiền ra in đấy, mà chưa hề trong các bản liệt danh những tác phẩm của tôi ai đã biết mà kể đến. Sách này nói mấy đoạn sử mà không một sử-gia nào biết: nó là đoạn dã sử của thị-xã Ba-lê đó.

« Cám ơn cụ. » Sélig trả lời cộc lốc thế thôi.

Lúc ra về, ngồi trong chiếc xe hơi của cụ nghị, ông nhận thấy rằng cái cử chỉ của cụ già keo kiệt tự ái thật đáng ghét, làm như một quyển sách của mình cho đấy tức là một kho vàng chói lọi vậy.

Sélig mở sách ra coi: tài liệu xem ra cũng không phải là ít. Nhưng ông không ham, vì nó ngoài phạm vi việc khảo cứu ông, và cũng vì thế ông cho rằng quyển sách ấy không thích hợp cho ai cả.

Bấy giờ đã khuya; về nhà cũng chẳng làm việc được. Ông bèn bảo Martens cho xe đỗ để ông xuống

trước cửa hãng tạp hóa Bredwells. Hãng tạp hóa này đối với người đến nghỉ mát ở Sky Peaks, vừa là một nhà bán tạp hóa, vừa là nhà giầy thép lại vừa là một tiệm cà-phê để khách khứa đến tụ họp.

Ông bước chân vào nhà hàng, gặp ngay cô Selma Swanson, liền cười và riễu cợt cô.

Rồi hai người chuyện trò vui vẻ lắm khi giắt tay cô ta càng ra về, ông bỏ quên quyển sách. Mãi đến lúc về nhà đi ngủ mới nhớ ra.

. . .

Hai hôm sau, Martens lại gọi giây nói mời ông lại uống nước, ông liền từ chối :

— Thế này thì không phải lắm. Nhờ bác làm ơn thưa với cụ nghị rằng tôi không lại được, rất tiếc song... hôm nay thực quả không đi được.

— Thưa ngài hãy khoan cho một tí. Thưa ngài cụ nghị tôi muốn biết tối mai, tám giờ, ngài có thể lại sơi cơm được không ạ. Ngài nhận lời cho thì sẽ đem xe lại đón ngài.

— Được, mai thì được tôi xin nhận lời. Bác nói với cụ rằng mai tôi sẽ vui lòng đến hầu cơm cụ nhé.

Thực ra, thì ăn uống ở Sky Peaks chẳng ra tuồng gì nên Sélig mới nhận đi ăn cơm khách và đã rắp tâm khi ăn xong sẽ liệu, cáo về nhà cho sớm.

Chiều hôm ấy ông chắc được rảnh cả buổi chiều trong lòng đã xung xướng. Đến lúc thấy cụ nghị cứ nằn nì mời ăn cơm cho được thì ông bực mình quá, liền quăng quyển sách đang đọc xuống bàn, rồi ra đi chơi ngoài đồng ruộng.

Lúc bấy giờ, mọi người trong trại Sky Peaks đương chơi cầu với nhau.

Cô Selma Swanson, rất nhanh nhẹn bận đồ cộc làm trưởng-đoàn. Thấy Sélig đến ai nấy liền hò la gọi. Ông từ chối, rồi sau nể cũng nhận lời vào chơi. Chơi vui lắm. Đá cầu xong, ông lại tập đánh vật với cô Swanson.

Cô này mềm mại lạ thường trông gần thấy đôi mắt cô long lanh rớm lệ Sélig bỗng cảm thấy mình từ chối không đến chơi ông già là phải.

Hôm sau ông viết ngay được một đoạn sách hay đặc biệt. Viết xong vì còn những hai tiếng đồng hồ nữa mới phải đi ăn cơm khách, ông bèn dủ cô Swanson cùng đi leo núi Poverty.

Nắng chiều rội vàng trên nội cỏ, trên các chòm thông và xuốt dấy ruộng đến tận chân giời. Selma Swanson rất xinh tươi và hoạt động với chiếc váy len và đôi giầy cao ống của cô (nhưng bít tất cô lại bằng lụa mỏng). Sélig đâm hối đã hẹn đến tám giờ thì lại ăn cơm với cụ nghị

Nhưng ông lẩm bẩm nói : « Ta đã hứa thì phải giữ nhời chứ »

Đôi giai gái dủ nhau lên ngồi trên một phiến đá phẳng, nhìn thẳm xuống dưới đồng bằng? Sélig nhận xét rồi nói một giọng có vẻ mô phạm :

— Ánh sang đẹp lạ chưa này ! No phớt trên mái nhà cai trại kia, và làm tỏa bong những cây giẻ trên đồng cỏ. Cô có thấy không? phong cảnh đẹp nhờ về ánh sáng nhiều chở nhờ về hình ảnh là phần ít.

— Không, tôi không biết điều đo mà phải ông nói đung đấy. Kiên thay ! ông có con mắt quan-xat thật.

— Tôi có biết quan xát gì đâu. Tôi chỉ là một con chuột trong kho sach mà thôi.

— Ô, ông cứ nói thê.

— Vàng cô đã giậy thì đành phải nghe theo vậy.

— Ông khiêm tôn qua ! Thực quả tôi đã học ông được nhiều điều mà tôi không biet. Vậy mà ông còn là người rất hoạt động. Hom nọ chơi cầu, có ông mới vui đấy chư. Tôi phục ông là người tài đủ về.

Bầy giờ rưỡi. Selig nắm chặt tay Swanson, bàu tay cô vừa chắc chắn vừa mem mại, ông nói nhỏ :

— Có lẽ nhiều khi tôi cũng không dám tra đây. nhỉ. Nhưng việc tôi cự tuyệt không bè tha chè rượu vơi ông cụ Nghị ấy hẳn cô cũng cho là phải chư ! Thế mà lại sắp phải về để đến lão ta ăn cơm đây !

Tám giờ 15 phut, ông hôn cô ta, từ giã, nhưng lại trở lại hôn lần nữa.

— Chà ! để ông cụ ấy đợi ti nữa cũng được, chẳng vội gì.

Tám giờ 30 phút.

— Này em ơi, khuya lắm rồi. Không ngờ toi chóng thế. Thôi anh chẳng đi an cơm khach nữa. Anh gọi giây noi cho ông cụ ấy day. Anh hao rằng anh quên, nhầm mất ngày cũng được chư gì. . Rồi ta cùng xuống bờ ho kia ! Ta sẽ kiếm chiec thuyền, cùng dùng cơm chiều cho vui nhe.

— Selma Swanson xung xương trả lời : Ô ! thế thì tuyệt lắm anh ạ !

Về phần cụ Nghị Lafe Ryder, bấy giơ đương ngồi dưới hiên ở nhà cụ, — cai hien ấy, vơi buong ăn và buông ngu doi vơi cụ la ca vũ trụ — cụ ngồi dươi hien cụ chơ. Cụ chơ cái người bạn tre va yêu quy uã làm thực hiện cai dời ưĩ vang của cụ mà cụ quyến luyến biet chừng nào Cụ chờ cả ông trạng sư của cụ đến để duyệt lại bưc chúc thư của cụ. Rồi cụ nghĩ cụ không bằng lòng : ai lại chỉ nói đến tiền không, thì tầm thường quá ; phải biếu Selig cái gì qúy giá hơn tiền : một thứ gi đang là qu ...ia một người thông thái biếu cho một người t' ...hái chư.

Cụ nhìn thấy một bức thư, mặt cụ tươi lện tực khắc. Tờ giấy ...ấy có in chữ: Windsor Castle. Dưới có nét but thanh thanh đề : «Kính tặng quy hữu Ryder tùy tiện toàn quyền hưởng dụng» Ký tên : «Benj. Harrison».

Bức thư ấ y đề gửi cho quan tổng thống Harrison do ngự bút của bà nữ-hoàng ký. Chỉ vài dòng, mà gồm đủ một chương sử ký mới mẻ của bà và của cả thế kỷ thứ 19 nữa.

Vì sức mạnh không phải do sự nhiều mới có được.

Cụ già giấu kỹ bức thư qúy bầu ấy trong túi, dưới lần áo khoác ngoài mầu hồng che lên tận mặt xám nhợt của cụ

Cô Tully, quan hệ, chạy ra, thì thào :

— Này cha ơi, tối nay cha uống một cốc rượu «cốc tay» thôi nhé. Ông đốc tờ bảo rằng cha uống rượu ấy vào thì hại lắm đấy.

— Hầy, để ta liệu. Mấy giờ rồi ?

— Tám giờ kém mười lăm.

— Tám giờ thì giáo sư Sélig sẽ đến đấy. Thằng Martens về thì bảo nó ba phút sau mà không đem riệu «cốc tay» ra đây thì ta sẽ sé sác nó ra đấy Còn chị thì chị đừng vào buồng tôi tìm thuốc lá cho mất công Tôi đã giấu đi một chỗ khác rồi không biết được đâu. Và tối nay thì tôi thức xuốt sáng để hút thuốc lá. Tôi cũng chẳng vào giường nằm đâu. Có lẽ cũng không tắm tối nay nữa

Cụ nói xong, cười gằn. Cô Tully thì thở giài.

— Cụ ác quá,

Cụ nghị không cần phải hỏi ai giờ. Tay nắm chặt lấy cái khăn quàng cổ cụ ngồi từ bảy giờ tối, đăm đăm nhìn vào chiếc đồng hồ quả qúyt. Thốt nhiên, cụ cảm thấy mình điên rồ quá : ai đâu lại đi chắc ở một người bạn trẻ quá thế bao giờ Nhưng khốn nỗi các bạn xưa của cụ nay đã chết cả rồi, mà chết đã lâu rồi. Thọ lắm cũng khổ Cụ thường nhận được những bức thư vô vị lạ. Bức thì xin cụ chữ ký, bức thì xin tiền. Chỉ có anh chàng Se'ig. trẻ trung ngoan ngoãn này là đến an ủy cụ mà thôi !..

Bao nhiêu chuyện dĩ vãng bây giờ cụ nghĩ đến đã xa lăng lắc !

Đúng tám giờ, cụ rên lên nhưng lần này không phải như con cú già mù nữa mà như con phượng hoàng, vươn giài cổ trên đám lông rối nhàu để hình như cất cánh muốn bay. Cụ ngồi rình.

Tám giờ mười phút, nóng ruột, cụ lẩm nhẩm nguyền rủa cái thằng ông mãnh Martens đi mãi không về !

Tám giờ hai mươi phút, mới thấy chiếc xe hơi về đỗ sịch dưới thềm. Nhưng chỉ có một mình tài xế trong xe bước ra mà thôi. Trật mũ cát-két cầm tay, anh tài bước lại lí nhí thưa :

— Bẩm cụ, con đi không được việc gì cả, quan giáo Selig không co ở trại.

— Khổ chưa ! sao anh không chờ ông ấy ?

— Bẩm cụ con đã đợi lâu lắm rồi, nên phải về thưa với cụ.

— Chao ôi, thế thì có lẽ anh chàng trẻ tuổi này lạc vào trong núi rồi đây. Bay ! chia nhau tả hữu đi tìm đi !

— Bẩm cụ, cụ cho phép con thưa thế này thực không phải lắm : lúc con trở về đây, qua con đường hẻm lên núi Poverty, con có trông thấy quan giáo ngài cùng đi với một người đàn bà trẻ. Hai người nói nói cười cười, dắt nhau đi khỏi ra phía ngoài trại. Con sợ rằng....

— Được rồi ! nghe đủ rồi.

Bẩm cụ, thế bây giờ con cho dọn cơm ngay chứ ? Cụ muốn dùng rượu «cốc tay» ngay ở ngoài hiên này ạ ?

— Thôi không cần, ta không uống đâu. Bảo Tully nó ra đây.

Khi cô vú chạy ra đến nơi, liền kêu lên thất thanh thì ra cụ nghị đã ngã gục ngay ở ghế. Cô ta cúi xuống, nghe thấy tiếng cụ rên rỉ :

— Con ơi, con đang ăn cơm mà ta phiền con quá ; nhưng nhờ con làm ơn đỡ cho ta vào nằm nghỉ một tí. Tối nay ta không ăn uống gì đâu, ta nhọc quá.

Cô vú lo sợ, tháo cái khăn quàng ở cổ của cụ ra. Cụ, hai con mắt cứng đờ nhìn thẳng như muốn nhìn lần cuối cùng ra dẫy đồng bằng ở chân núi đương ngập dần trong bóng tối. Cô Tully còn đương đỡ cụ ngồi lên thì thốt nhiên cụ vùng giậy móc trong túi ra một tờ giấy dầy gập đôi, sé tan ra nghìn mảnh, rồi ra vẻ vung vinh, cụ tung ra khắp nơi trong đêm tối.

Xong rồi cụ gục trên vai cô vú.

PHẠM GIA KÍNH

HẾT

CẢI CHÍNH

Trong bài « Bức thư của bà nữ - hoàng », đoạn đăng trong kỳ báo trước :

Trang 22, cột 1, giòng, 52. «... tư cách mình là giáo » xin đọc là : « tư cách mình là *nhà* giáo »

— Cột 2, giòng 3 : « bài trí » xin đọc là : « *tài* trí »

— Cột 2, giòng 47 : « tài ba vị anh hùng » xin đọc là : « tài-ba của *ba* vị anh hùng »

Trang 23, cột 1, giòng 23 : « Hanison » xin đọc là : « *Harrison* »

— Cột 2, giòng 9 : « nồi lửa » xin đọc là « *nồi* lửa »

— Cột 2, giòng 53 : « Đây tiên » xin đọc là : « *Bảy* tiên »

Trang 24, cột 1, giòng 42 : « tháp-tục » xin đọc là : « tháp *trụ* »

— Cột 2, giòng 40 : « một món sử ký » xin đọc là « một *cuốn* sử ký »

Trang 25, cột 1 giòng 2 : « cái ghế » xin đọc là : « *xuống* ghế »

— Giòng 38 : « đoán lại trận Âu chiến » xin đọc là « đoán *trước* trận Âu chiến » — Giòng 44 : « George Hérédith » xin đọc là : « George *Méredith* »

ĐỌC LỬA THIÊNG CỦA HUY CẬN

(Tiếp theo trang 11)

Vi vu gió hút nẻo vàng,
Một trời thu rộng mấy hàng mây nao.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót,
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.
Canh khuya tanh vắng bên cồn,
Trăng phơi đầu bãi nước dồn mênh mang.

Và một cảm-giác buồn rười rượi toả ra không biết từ đâu :

Bỗng dưng buồn bã không gian ..
Sầu thu lên vút song song ..
Song song muôn dặm bóng mây dồn...
Muôn sao bàng bạc sầu không gian. .

Huy-Cận chú ý đến linh-hồn hơn là nét-vẽ và màu-sắc, nên tranh ông thanh-đạm lặng-lẽ lạ thường.

Thơ ông lại súc-tích, kết-đọng như thơ cổ :

Ngã ba tà áo lặn,
Dặm trường thương cố nhân.
Nắng đã xế về bên xứ bạn ;
Chiều mưa trên bãi, nước sông đầy.
. . . . . .

Thương bạn chiều hôm, sầu gối tay.

Nhất là về thể lục-bát. Ý thơ như dồn-thúc lại.

Nhưng có khi vì muốn hàm-súc quá mà trong một câu thơ ông chỉ giữ lại những phần-tử cốt-yếu, thành ra cú-pháp lệch-lạc cả :

Bốn vách nghiêm trang tiếng đọc bài...
Mộng tưởng *phiêu lưu bức địa đồ*...
Chân bước *chưa khi* rộn ái tình...
Tiền nhà ít gửi *biết chi* mua...
Chiếu chăn không ấm người *nằm một*...

Và những chữ đôi dưới ngòi bút ông cũng chỉ còn lại có một nửa :

Đêm vừa nhẹ, gió vừa *mơn*...
Một trời thu rộng mấy hàng mây *nao*...
Xuống rừng nẻo *thuộc* nhìn thu mới về...
Cánh *rực* đòi cơn rơi lối đỏ..,
Ngàn năm sực tỉnh lê thê
Bên thành son nhạt. — Chiều *te* cúi đầu .. (1)

Nhiều người bảo thơ Huy-Cận khó cũng vì thế.

Lại có câu đặt phá cách quá chừng thành ra bối-rối.

— hình-dung-từ không đi tiếp danh-từ :

Tỉnh dậy lòng ôi, *ê chề* hãy tỉnh...
Vớt gió xa xôi *lạnh lẽo ngàn*...

— Trạng-từ không đi tiếp động-từ :

Đất thêu nắng bong tre rồi bóng phượng
Lần lượt buông màn nhẹ vướng chân *lau*...

Huy-Cận còn hay dùng những tiếng xưa, những tiếng ít thông dụng, hoặc những thổ âm ;

Lưng đèo quán dựng mưa *lỏ* mái ngang...
Vi vu gió *hút* nẻo vàng... *(dẻo heo hút gió; hun hút)*
Tiễn đưa *dòi* nuôi đợi chờ...
Lòng quê dờn dợn vời *con* nước...
Vàng dẹp quả, giăng tơ và *xối* chỉ... (2)

Nhiều chữ thì quả ông dùng sai chỗ :

Nước mát tràn xuân chảy *đậm* bờ...
Ai biết đường kia *dặm* mấy lần...
Ai biết trời kia rộng mấy *khơi*...
Trong cành hoa *trẻ*, cồ chim non...

Tôi chỉ-trích thế để khỏi phải khen tài chọn chữ của Huy-Cận, và cũng để trách ông sao nỡ để những tì-vết ấy trong một tác-phẩm đáng lẽ hoàn toàn lắm.

IV

Huy-Cận có một tâm-hồn thi-sĩ. Ông lại biết bỏ óc phân-tách âu-tây mà trở về Nghệ-thuật hàm-súc á-đông. Những bài *Buồn đêm mưa, Chiều xưa, Đẹp xưa, Tràng giang, Thuyền đi, vạn lý tình, Dấu chân trên đường, Nhớ hờ, Trò chuyện, Thu rừng, Mai sau*... Có điều khi nhận thấy những bài đó đều do một đề-hứng cả và chỉ gây được mỗi một cảm-giác, người ta tự hỏi, tác-giả Lửa Thiêng có một tình-ý nào sâu-sắc nữa không và tâm-hồn ông có thể rung-động được rộng-rãi hơn nữa không ? Bởi vì không có cảnh nào buồn bằng cảnh một thi-sĩ đến lúc phải tư mình bắt chước lấy mình.

TRƯƠNG CHÍNH (Huế)

---

(1) Nguyễn Du cũng có những chữ đôi cắt đứt đi một nửa như vậy :

Kẻ nhìn rõ mặt, người *e* cúi đầu (tr. 76, c. 14)
Trước xe lơi lả *han* chào (tr. 117, c. 13)
Vội *han* đi trú nơi nao (tr ; 220, cột 17)

(2) Nguyễn Du và các thi-sĩ hiện-đại cũng thường hay đưa các thổ âm vào trong thơ :

Dòng thu như *xối* cơn sầu (tr. 209, c. 1)
Trông vời *con* nước mênh mông (tr. 214, c. 3)
(Truyện kiều bản của Bùi Kỷ và Trần trọng Kim)
Họ đã xa rồi khôn níu lại,
Lòng thương chư đã mèn chưa *bưa*.
(Hàn mạc-Tử)
Trong những đêm đầy thịt sáng *nư* mơ.
(Chế lan Viên)

T. C.

CÁC BẠN ĐỌC HÃY ĐÓN COI :

NGÃ BA THANH NIÊN

Kịch ba hồi của Đoàn Phú Tứ

Sẽ đăng nay mai ở THANH-NGHỊ

KHUYÊN BẠN

NGUYỄN VĂN HÀ dịch

L. T. S. — Hưởng ứng mục danh-văn ngoại-buôc, nhiều bạn đọc gửi tới toà soạn những đoạn văn dịch ở các sách cổ kim Đông Tây chúng tôi vui mừng được các bạn cộng tác— Xin thành thực cảm ơn các bạn và hứa sau khi lựa chọn, sẽ lục đăng dần trong Thanh-Nghị những đoạn nào *thực có giá trị về nghệ-thuật lẫy tư-tưởng*. Chỉ cần nhắc các bạn nhớ *đính theo với bản dịch bản nguyên-văn của tác giả* cùng chua rõ trích ở sách nào và số trang bao nhiêu.

Vẻ-vang, giàu-có, uy-quyền mà ngẫu-nhiên vào tay bạn thì không bền giai đâu. Bạn có thể dễ-dàng trở lại tay tráng nếu bạn không sửa- soạn nghênh đón nó tư trước và bạn không biết lợi dụng khi có nó.

Bạn có thể chỉ là một kẻ tầm-thường trong trăm ngàn người làm công ở một hãng lớn kia Công-việc hiện-thời đối với bạn nó bằng phẳng xoàng-xĩnh quá. Nhưng trong việc nhỏ-nhặt ấy, không có gì đáng khêu-gợi sự giận-dỗi, hoặc thức-tỉnh lòng tự-ái bạn. Bạn chỉ nên tin-cậy và ỷ-lại vào bạn, và phải luôn-luôn tỏ ra bạn là hạng ngươi như thế nào. Công việc của bạn nó sẽ thực-hiện theo như ý bạn và bạn cũng xứng đáng cái sự thực-hiện của nó bởi sự cần-cù sớm-tối của bạn.

Bất-cứ một việc gì mà bạn đã dúng vào, bạn phải hứng thú để hết tâm-cơ trí-não làm cho được. Bạn làm thế nào cho người trên để ý tới công việc bạn. Bạn có thể như bắt buộc cho họ phải chú-ý đến cái [illegible]-hoạt, cái khôn-lanh trong việc làm của bạn Mà như vậy thì chỉ có bạn đương nổi thôi.

Trong khi bạn tỏ ra chán nản với số-phận là bạn giảm giá, tự hạ bạn mà không giúp-đỡ và bỏ rơi bạn đấy, trái lại nếu bạn qủa-quyết làm tăng địa-vị bạn và hang-hái làm theo chủ-định bạn sẽ hưởng một phần thưởng đích-đáng thường mong ước.

Không nên đợi cho kẻ khác khuất đi, rồi bạn mới tiến được. Bạn cũng có thể đợi được nếu bạn muốn. Nhưng đợi như vậy cũng chả ích gì mà không có kết quả tốt. bạn phải băn khoăn, bứt dứt rồi sẽ bị hủy hoại trong sự chờ đợi mòn-mỏi ấy. Lúc ấy bạn phải chịu trách nhiệm hết những sự buồn nản mà bạn gây ra Không có một nơi nào muốn tiến bộ mà không bồ cứu lại, rộng rãi cho những người làm công tận tâm mình, nếu họ có cài ý-tưởng tự-thân làm việc theo cái tinh-thần đáng phục ấy. Trong khi đánh giá cái nhiệm vụ trọng yếu của bạn, bạn đừng để cho ý-tưởng đi tới sự tự phụ, kiêu-căng. Bạn cần phải nhã nhặn mà giữ-gìn cho lương-tri được sáng suốt, cho phán đoán được rõ-ràng.

Sự-thật đã hiển nhiên. Biết bao nhiêu bậc tài-giỏi tiếng-tăm xưa nay chả đều ở bậc thang chót, ở một địa-vị hèn kém hơn địa-vị bạn bây giờ mà lên sao. Những người ấy họ đã tự tìm đường chỉ dẫn họ, họ đã tập hiểu biết họ họ đã biết cái mãnh lực của kẻ nói câu «Tôi muốn». Những cơ-hội tốt nó không tự đem lại với bạn, nếu bạn không có một ý-tưởng mạnh thúc bạn nắm lấy.

Bạn sinh ra không phải chỉ ở trong hoàn-cảnh hiện-tại thôi đâu. Nếu bạn dự-định lên bậc-thang xã-hội, chót vót kia, thì ở trên ấy cũng có chỗ dành cho bạn đấy. Lên cao là một cái hoan-lạc, vậy ta có thể nói làm việc cũng là cái hoan-lạc Bậc từng-trải hay bậc mới thành-niên đã có mục-đích ở đời phải không bao giờ biết đến sự chán-nản, rời-rạc trong công việc.

Một công-việc tốt hơn, nghĩa-lý hơn công-việc bạn hiện-tại đương đợi bạn kia. Nói vậy đừng tưởng nó lại ngay, nếu bạn chỉ mất có lời cầu khẩn xuông. Nhưng cũng không cần phải biết khi nào và làm cách nào cho có nó Điều cốt yếu đối với bạn là phải cố sức làm đấy

(Xem tiếp trang 31)

MẶT TRẬN ĐẠI-TÂY-DƯƠNG (1)

ĐỖ ĐỨC DỤC

Từ mấy tháng nay các báo-chí đua nhau nói đến và độc giả cũng chú-ý, hằng ngày theo rõi những trận khủng-khiếp chung-quanh kinh thành Stalingrad hay bên giẫy núi Caucase, giữa quân-đội Đức và Nga. Người ta đã hầu như quên để ý đến một trận quan-trọng hơn hết, một trận ròng-rã từ hơn 30 tháng nay yên-lặng ngấm-ngầm, dai dẳng không ngớt, nó đã tàn-sát bao nhiêu sinh-mệnh và nhất là đã hủy-hoại bao nhiêu vật-liệu, bao nhiêu của-cải, nhiều hơn hết bất cứ ở một trận nào trên lục-địa.

Đó là trận Đại-Tây-Dương mà người ta cũng đã nói đến nhiều, nhưng ít người đã hiểu rõ chân tướng va ý-nghĩa của nó.

Muốn biết rõ mặt trận Đại-Tây-Dương, ta cần phải định nghĩa và sự quan hệ của nó; rồi xét đến lực-lượng hai bên đối thủ; những điều kiện hành-binh, những chiến thuật, thế công và thế thủ; sau hết, bằng những con số, ta thử kết-luận trận đó có thể đưa đến chỗ nào.

* * *

I) Trận Đại tây dương nghĩa là thế nào ?.— Đó tất cả là những cuộc tác-chiến thủy-không-quân do đó những nước của Trục cố sức ngăn cản không cho tới được Anh quốc các lương-thực và nguyên liệu cần-thiết cho sự sống và cho kỹ-nghệ triển-chanh của Anh.

Sau hơn một thế kỷ rành nhau với nước Pháp và chiếm được chủ quyền trên mặt bể, nước Anh vẫn thường coi sự phong-tỏa là một lợi khí của mình có hiệu qủa hơn hết để vây hãm nước địch thủ. Người ta đã từng thấy thi-hành phương sách có công hiệu đó ở trận đại chiến 1914 — 1918.

Nhưng sự xuất hiện của tầu ngầm đã mang tới vết thương thứ nhất cho chủ quyền của nước Anh Là vì tiềm thủy đĩnh có thể lẩn ra ngoài hàng tuyến-phong-tỏa để hoạt động ngoài khơi, đánh đắmnhững thương thuyền qúy báu của địch-quốc Tuy rằng ở trận hải chiến 1914-18 nước Anh về sau rồi cứu-vãn lại được tình thế, nhưng tiềm-thủy-đĩnh cũng đã trong bao nhiêu tháng giời lung lạc được lực-lượng của Anh.

Trận Đại-tây-dương hiện thời chỉ là một cuộc tái diễn lại trận tiềm thủy chiến trên đây nhưng bằng những phương pháp tăng lên rất nhiều, lại thêm sự trợ lực của một yếu tố mới, vô cùng quan hệ, ấy là phi cơ. Do đó trận Đại tây dương càng thêm quan trọng

Xuốt một thế-kỷ thứ 19, dưới thời đại nữ hoàng Victoria, đế-quốc Anh đã bành trướng vô cùng. Luôn luôn tìm cach làm giầu, nước Anh đã hoán-cải một nền kinh tế, tiếp tục bỏ những ngành xuất sản về nông tac để thay vào những ngành xuất sản về kỹ-nghệ. Vì thế dân Anh phải bỏ một phần tiền làm ra được để mua thực phẩm cần thiết mà họ không xuất sản nữa, qua khắp các nước trên hoàn cầu. Hiện thời lúc bình thường nước Anh chỉ có thể nuôi được 40 *tr* dân chúng, và phải nhập cảng hầu hết các nguyên-liệu thiết dụng cho kỹ nghệ của mình. Thời chiến-tranh tình-trạng đó càng thêm nghiêm trọng vì quân đội tăng lên, nhân công về nông nghiệp bớt đi; sự nhu cầu nguyên liệu càng gấp bội. Nói tóm lại nước Anh lệ thuộc chặt chẽ mặt bể. Nếu vì le gì việc giao dịch trên bể phải ngừng trệ thì nước đó phải đình chiến, lập tức hay không tuy theo số hang tích trữ được từ trước.

Vì những lẽ trên đây mà cac địch quốc cố công làm ngăn cản sự hải thương của Anh, và như thế ta càng thấy mối trọng yếu của mặt trận Đại-tây dương.

* * *

II) Thực ra danh từ đó chỉ có một giá trị nhất thời Là vì trước hết đã có một trận Bắc-hải, rồi một trận bể Manche, sau cùng lại thêm vào một trận Ấn-độ dương và Thái-Bình-dương. Ngày nay thì ta phải nói một trận trên các Đại-dương.

Sự bành-trướng đó là do một mưu lược trong cuộc thủy-không-chiến.

Nước Anh đã lợ ng địa thế để phóng tỏa nước Đức. Nếu từ trr Đức quốc đã làm chủ trên bể Baltique một cách dễ dàng, thì trái lai Đức chỉ nhìn ra Bắc-Hải được qua một cửa sổ nhỏ, và muốn ra tới Đại dương, tới những hải đạo quốc-tế, Đức phải hoặc là đi qua eo bể Pas-de-Calais, hoặc là ngược lên phía bắc xứ Ecosse. Khi xưa, hồi chỉ có tầu thuyền nổi trên mặt biển, hạm đội Anh chỉ cư

(1) Theo quyển « La Bataille de l'Atlantique » của René Jouen.

việc an-trí ở trong bến của mình, đợi hễ hạm đội Đức thò ra lă đánh vào sườn hay tập hậu. Vì thế ở cuộc đại chiến trước, hải quân Đức tuy nhiên trọng mà không hoạt động được mấy. Tuy nhiên, đến lúc tầu ngầm xuất hiện, quân đội đồng-minh vì vẫn giữ được bờ bể trong đại lục, cho nên vẫn án ngữ được có hiệu-qủa ở Pas-de Calais. Đường phía Bắc xứ Ecosse tuy khó giữ hơn nhưng bấy giờ quân đồng minh cũng đã ngăn cản được những tầu ô, vì chỉ có ba chiếc ra thoát hàng tuyến phong tỏa, chiếc Mœwe, ra được hai lần, chiếc Wolf, sang hoạt-động tận bờ bể Úc-đại-lợi và chiếc tầu buồm Seeadler. Duy sự chống lại tầu ngầm Anh Mỹ đã thả từ Ecosse sang tới xứ Norvège trung lập một hàng thủy-lôi vĩ đại, nhưng sự hiệu qủa không mấy la vì hồi đó chỉ có bốn chiếc tiềm-thủy đĩnh bị hại.

Về cuộc chiến tranh này thì từ đầu cho mãi đến tháng Avril 1940, nước Đức chỉ giữ địa vị trông ngong, sắp sửa những cuộc tấn công, tuy nhiên ngay lúc đó, Đức đã khởi trận Bắc-Hải trong đó tầu bay xuất hiện, đã tỏ ra một binh khí vô cùng lợi hại và đã soay đổi hẳn cục diện. Phi cơ dần-dần đã tàn phá và đánh đuổi hết các chiến thuyền trên mặt bể từ trước vẫn đâu yên ở nơi căn cứ không sợ nạn tầu ngầm. Dù sự phòng không có hiệu qủa đến bực nào thì sự kinh nghiệm chứng rằng những phi cơ công-kích rồi vẫn lọt hàng phòng thủ. Chỉ có một kế cứu vãn được là chạy ra khỏi khu vực hoạt động của những phi cơ phóng pháo. Thành ra bao nhiêu những hải-cảng ở bờ bể phía Đông-Anh-đảo dần dần phải chút sạch những chiến hạm lớn chỉ còn để lại những tầu nhỏ, khu trục hạm, tiềm thủy đĩnh và nhất là những phụ hạm, tiểu-đĩnh mau lẹ.

Lẽ tất nhiên những thương thuyền cũng bị công kích và rồi dần dần trên mặt Bắc-hải bao nhiêu thương đạo đều phải bỏ hết và phải thiên lên những miền Bắc cực.

Tuy vậy, vị-trí của Anh quốc vẫn còn lợi cho sự phòng tỏa Đức quốc. Muốn thoát khỏi phạm-vi đó và muốn tự mình tấn công ngoài mặt bể, Đức nhất định phải kéo dài chiến tuyến và làm thế nào tràn được ra ngoài bức thành mà Anh đã dựng giữa mình và đại dương. Vì thế mới có trận Nã Úy, kết qủa đều lọt vào tay Đức tất cả đường duyên hải với bao nhiêu vịnh sâu của Na Uy, những địa điểm xuất trận vô cùng tốt đẹp cho tầu ô và là những nơi chú ẩn hoàn-toàn cho những chiến hạm ngoài khơi trở về. Thế là bức thành của Anh bị tràn ở phía bắc. Kế đó tới cuộc tấn công mãnh liệt xuống Hòa-Lan và Bỉ, những sư đoàn thiết giáp ồ-ạt chạy thẳng ra bờ bể để làm đứt đoạn những sư đoàn tinh nhuệ của Pháp, những đội quân Anh Bỉ, và cũng để lấy một chỗ đặt chân ở phía Nam eo Pas-de-Calais.

Sau cùng tới cuộc tấn công sang Pháp. Hòa ước đình chiến chỉ giả lại nước Pháp có một phần ba đất đai. Thành ra bao nhiêu những bờ biển ra bể Manche, ra Đại-tây-dương thuộc phạm vi Đức, mà con đường giới tuyến đã định ra một cách để cho Đức lợi dụng được hết cả đao lộ và thiết lộ đưa ra hải cảng Pháp.

Kết cục hàng tuyến phong tỏa bị vỡ. Hải chiến tuyến năm 1918 dài 300 hải lý, thì tháng Juillet 1940 dài tới 2.300 hải lý, xuốt từ Cap-Nord (Bắc-Nã-Úy) cho đến Biarritz (Nam-Pháp). Những vị-trí hành binh Đức từ bao lâu vẫn thèm muốn, để khởi một trận mới nay đã đạt rồi, người ta lập tức lợi dụng.

(kỳ sau đăng tiếp)

ĐỖ ĐỨC DỤC

Mặt Trận Nga

Trận Stalingrad vẫn chưa kết liễu. Quân Đức tuy đã tiến vào thành hơn một tháng nay nhưng chưa diệt được sức kháng chiến của Nga. Mỗi một nhà là một pháo đài nhỏ phải phá vỡ mới chiếm được, tuy nhiên sức kháng chiến của quân đội Nga trong thành chỉ còn thu lại vài ba khu... như ở Barricade rouge và sưởng máy «Octobre rouge» Ngày 25-10 sưởng này sau năm sáu ngày kịch chiến đã bị chiếm. Quân Nga chỉ còn một lối để đưa viện binh và lương thực cho quân đội trong thành là tải qua sông Volga, dưới những trận mưa đạn và bom của pháo binh và không quân Đức. Không thể tiếp ứng ở những mặt khác được, quân Nga tấn công vào phòng tuyến đức ở khoảng giữa sông Don và sông Volga để chia bớt lực lượng quân địch đang tiến thêm vào Stalingrad. Có tin quân Nga được thắng lợi đôi phần ở miền đó; cũng vì vậy mà thành Stalingrad còn giữ được sức kháng chiến ở một vài nơi.

Ở Caucase, qân Đức tiến thêm được ở gần hải cảng Tuapsé và theo dọc sông Terek về phía miền dầu hỏa Grosnyi.

Mặt Trận Phi-Châu

Trong khi chiến tranh đã kém vẻ quan trọng ở mặt trận Nga: số phận Stalingrad chỉ còn chờ ngày kết liễu và các phòng tuyến khác đang tính việc thế thủ trong mùa đông tới, thì cục diện lại quay sang phía Phi châu mà nhiều việc đột ngột vừa sẩy ra làm quan tâm cả thế giới.

Mặt trận Ai Cập bắt đầu hoạt động kịch liệt, sau ba tháng yên lặng mà đôi bên Anh và Đức Ý chỉ gây lại binh lực, cùng quấy rối sự tiếp tế của nhau Quân Anh do tướng Alexander chỉ huy, thay tướng Auchinleck, ngày 22-10 đã khởi một cuộc tấn công khổng lồ vào phòng tuyến của Thống Chế Rommel bằng một triệu bộ binh, 1000 chiến xa trong khi hải quân đánh vào cửa bể Marsa Matrouh. Quân Đức

chống cự mãnh liệt; cả hai bên cùng thiệt hại và cuộc chiến đấu đang tiếp tục

Đồng thời phi cơ Anh kéo đại đội sang phá các hải cảng, và thành Milan của Ý để diệt những lực lượng tiếp ứng của phe trục ở Ai Cập. Phi cơ Anh bay qua miền tự do Pháp và cả địa phận nước Thụy sĩ là một nước trung-lập. Nước này đã phản kháng về việc đó.

Trước cuộc tấn công của tướng Alexander ở Ai-Cập hai hôm một việc không ai ngờ tới là quân Mỹ đổ bộ ở Libéria, một dân quốc độc lập ở Tây Phi ngay xát nách thuộc địa Tây-Phi-Châu của Pháp và cạnh thuộc dịa Sierra Léone của Anh. Lý do là quân Mỹ định lập ở bờ biển Phi châu những căn cứ dụng binh để chống lại sự tàn phá của tầu ngầm Đức. Song người ta còn đoán việc đổ bộ trên có nhẽ là một chi tiết của một cuộc hành binh vĩ đại ở Châu Phi. Việc mở một mặt trận thứ hai, cái việc đã ám ảnh tâm trí các quân sự Đồng Minh trong nửa năm nay, biết đâu đã không tới kỳ thực hành. Nhất là sau khi Nga đã tỏ thái độ phẫn uất và Mỹ đã lôi được cả các nước miền Nam vào phe Đồng Minh vì nước Chili, đã thuận khai chiến với Đức Ý. Mặt trận thứ hai khó lòng mở được ở lục địa Âu Châu vì quân Đức đã chiếm đóng hầu khắp bờ biển Tây Âu và đã sây thêm trên đó những pháo đài và chiến lũy kiên cố. Để đi tới kết qủa Đồng Minh hẳn đã nghĩ tới Châu Phi, nơi mà Anh đã có nhiều căn cứ và việc sâm chiếm những căn cứ, khác cũng dễ dàng hơn ở châu Âu. Nếu lời đoán trên mà đúng thì cuộc chiến tranh rồi đây sẽ khủng khiếp ở Ai Cập, ở Lybie, ở Soudan-Egyptien, và miền Trung Đông sẽ là cái đích mà giữa hai phe Đồng Minh và phe trục phe nào tới trước được là phe đó giữ dược quyền thắng lợi cuối cùng.

Song việc lập mặt trận thứ hai ở Phi Châu sẽ gặp những nỗi khó khăn không phải là nhỏ: không phải là sức phòng thủ của quân địch nhưng là những trở tực tự nhiên. Nếu Đồng Minh không tranh được quyền bá chủ ở Địa-trung hải mà phải hành binh do bờ bể tây xà nam Phi Châu thì những rừng rậm ở miền xích đạo và bãi sa mạc Sahara là những mối khó khăn đáng quan ngại cho Anh Mỹ.

Ở Pháp

Lần đầu tiên những xưởng đúc binh cụ ở Creusot bị phi cơ Anh tàn phá (17 - 10).

Cuộc tấn công của quân Anh ở Ai Cập đã gây sự thiệt hại cho Pháp. Phi cơ Anh khi bay qua địa phận Pháp để tới phá những hải cảng Ý đã vô cố ném bom và bắn súng liên thanh xuống dân sự nhiều tỉnh Pháp nhất là ở Nontlucon: nhiều người chết và bị thương cùng nhà cửa bị đổ nát (25-10).

Việc Mỹ đổ bộ ở xứ Libéria gây một mối quan tâm cho chính phủ Vichy. Vì vậy Thống tướng Darlan vừa đi kinh lý miền Tây Phi Châu và đọc một bản thông điệp của Quốc trưởng Petain hô-hào quân đội và dân chung ở đo phải sẵn sàng đối phó với mọi cuộc sâm lược có thể sảy ra. Quân Anh vẫn tiếp tục việc chiếm đảo Madagascar của Pháp trong một thang nay sau khi đã vào kinh thành Tananarive. Quân Phap khang chiến mãnh liệt và đã mươi hôm nay, chòng giữ được ở phía nam Ambositra.

Tổng ỷ Laval vừa đọc một bài diễn-văn thống thiết kêu gọi lòng ai-quốc và lẽ phải của tất cả dân Phap: « Quyền lợi tối cao của nước Pháp bắt buộc mọi người phải theo chính sach hợp tac với nước Đức. »

Ở Đông dương

Trận bão đêm 10 Octobre đã gây một nạn lớn: chiếc tầu Laos bị đắm ở vịnh Bắc-kỳ làm thiệt mạng 58 người, 4 người Phap và 54 người Nam. Một mối đau đơn cho 58 gia-đình. BÁO T. N. cảm động kính viếng 58 bạn xấu số và chia buồn cùng tang quyến.

Đông Dương đang sửa soạn cuộc hội chợ tổ chức cuối năm nay ở Saigon và Pnom Penn có tính cách trưng bầy và khuyến khích sự hoạt động kinh-tế như cuộc hội chợ năm ngoái ở Hanoï.

Nền tiểu công-nghệ được chú ý đặc biệt. Cuối tháng Novembre nay sẽ có cuộc thi tiểu-công-nghệ cho cả xứ Bắc-kỳ ở Hanoï tổ chức ở Ấu-trĩ-viên thành phố. Những thứ hàng được phần thưởng sẽ được đem bầy ở hội chợ Saïgon.

Ngày 7 Novembre tới hội Cựu chiến binh tổ chức ở Ấu-trĩ-viên thành phố một chợ-phiên trong bốn hôm lấy tiền vào quỹ Cứu-tế Quốc-gia. Sẽ có nhiều trò vui và đánh bạc đến 3 giờ sáng. Những kẻ máu mê cờ bạc hẳn được hài lòng,... cho dẫu có phải hi sinh gia đình họ!

Viết ngày 28 Octobre 1942

V. H.

NGUYỄN XUÂN SANH

ĐẤT THƠ'M

NHẬT KÝ

(1940 - 1941)

sẽ xuất-bản trước tết

VĂN CHƯƠNG TRONG HỘI HỌA

(Tiếp theo trang 6)

định văn chương, vẫn chỉ có là bức tranh, chỉ có Hình và sắc chứ không thêm gì. !

Từ cổ xưa truyền lại, những mỹ công tuyệt-tác của Hội Họa, dù có ý văn chương, tôn giáo chính trị hay luân lý đi nữa, được người đời coi là tuyệt tác, chỉ vì đã tác tạo trong ánh sáng của một nghệ thuật cao đẳng khác thường. Cái nghệ thuật ấy, lúc nào cũng chỉ là Hình hay Sắc hay cả đôi, hai nguyên liệu sinh khí của mọi bức tranh. Những đầu đề văn vẻ dán ngoài tranh thường thường chỉ để che dậy một nghệ thuật yếu ớt, để dắt khán giả sinh văn ra khỏi đất Hội Hoa, để dễ lừa họ...

Hơn nữa, xem tranh, trước khi cảm hiểu chúng ta hãy sẻ những cái nhãn hiệu của tranh đi, như kéo cái màn bịt kín tác phẩm để thấy mặt thật của nó.

Cũng có khi chúng ta được cái thú bất ngờ cảm những ý vị văn chương trong những họa phẩm mà đầu đề chẳng văn vẻ gì, như «cái điếu đề trên chiếc ghế» hay «cái đầu bịt băng» của họa sĩ Van Gogh (1), nhưng trong đó ở nét bú ở mầu sắc. đã biểu lộ tất cả tâm hồn hỗn loạn của một người đau khổ.

TÔ NGỌC VÂN

(1) họa-sĩ đại tài ở thế kỷ 19, người Hà lan, điên, tự-tử chết.

Tòa báo **Khoa học** *đã dọn tới:*
12 Dieu le fils. Tél. 678.

HIÊU CẠO VÀ NHÀ TẮM

PHẠM NGỌC PHÚC

3 Richaud, Hanoi
(góc phố Hàng Bông và Phủ-doãn)

Lớn nhất và có tiếng là lịch sự nhất Hà-nội. Tiếp khách xuốt ngày và lúc nào cũng có nước nóng.

MUỐN NÂNG CAO CÔNG NGHỆ NƯỚC NHÀ NÊN DÙNG DẤM

PÉDOCA 6°

Chế theo phương pháp các nhà sản xuất **Desseau** và **Bordelaise**, đã được phòng thí-nghiệm công nhận Thơm và độ Chua không thay đổi

Có bán tại các hiệu thực phẩm như
G. M. R. Poinsard Veyret

Làm đại-lý, viết thơ về:
136 Armand Rousseau, Hanoi

ĐANG IN:

VIỆT-NAM cổ văn-học sử

TÁC GIẢ: NGUYỄN ĐỔNG CHI
TỰA CỦA TRẦN VĂN GIÁP — LỜI BẠT CỦA HUỲNH THÚC KHÁNG

500 trang, bìa của Nguyễn đỗ Cung.
Giá. . . . . 4$50
Bản Impérial d'Annam. Giá. . 25$00
Bản dó lụa sông Thao. Giá. . 20$00
Bản Super Glacée. Giá. . . . 15$00
Ai gửi tiền mua trước ngày 1er Octobre 1942 sẽ được trừ 10% và không phải trả tiền bưu phí.

Thư và tiền gửi về:
M. LE DIRECTEUR
HÀN-THUYÊN XUẤT BẢN CỤC
Rue Tiên Tsin — HANOI

(Tiếp theo trang 17)

Nhưng sự lập chí của chúng ta nên chú trọng nhất về tình hình của nước ta. Hơn bốn mươi năm về trước, Trung-quốc phái học-sinh đi ngoại quốc nhiều nhất là ở Hoa-kỳ bọn du học-sinh ấy sang Mỹ quên cái sứ mệnh của mình là nước nhà cử đi thì phải bổ ích cho nước nhà. Họ chỉ một mực học theo giống hệt người Mỹ. Thậm chí ở Mỹ, họ lấy tên Mỹ như là William, Joes và bỏ hẳn tên Trung-hoa. Đến lúc về nước, ẩm-thực, lễ nghi Trung quốc cũng không chịu được, mà cả đến tiếng Trung-hoa cũng không dùng quen... Những người ấy thật không phải là người Trung-hoa nữa...

Các anh hiện nay ở trường Đại-học Lĩnh-nam này, được học người Mỹ; và trong trường, kiến trúc trang-hoàng đều theo lối Mỹ, so với ngoài thì thật là một động tiên ở chốn trần ai. Nhân-dân Trung-quốc ta hiện đang khổ sở, ăn bữa hôm lo bữa mai, mà nước ta so với các nước ở thế giới thì nghèo yếu. Các anh hưởng cái hạnh phúc đặc biệt ở đây, trước nỗi khổ sở của đồng bào, cũng nên có lòng trắc ẩn. Mạnh-Tử nói: « Nếu không có lòng trắc-ẩn tức không phải là người ».

Các anh phải lập chí để mong giúp đỡ đồng bào, cải tạo quốc gia.

Các anh chớ noi gương những du học-sinh đã kể trên kia, chỉ cốt riêng mình bắt chước thật giống một cá nhân Mỹ, không nghĩ gì đến nước nhà. Các anh phải lợi dụng cái sở học của mình mà cải tạo cả Trung-quốc được như Mỹ quốc. Ngay đứng về phương-diện tư lợi cá nhân, nếu chỉ riêng mình bắt chước được thành một người Mỹ, mà cho là đủ rồi thì cũng nhầm lắm, vì như thế ra ngoại quốc người ta vẫn khinh mình là dân một nước hèn yếu: . . . . . Trái lại, nếu cải tạo toàn quốc được phú cường thì mình không cần phải điệu bộ, ngôn ngữ giống ai mà ra ngoại quốc vẫn được người ta kính nể ».

PHAN-QUÂN dịch

(Trích ở Tôn Trung Sơn Toàn Thư quyển 3 trang 190)

HÃY ĐỌC

TRIẾT HỌC KANT

của NGUYỄN ĐÌNH THI

Một học thuyết mở đường cho tất cả nền triết học Tây phương hiện thời: chỗ giao nhau của triết học mới và cũ.

ĐÃ PHÁT HÀNH

VÀNG SAO

của CHẾ LAN HIÊN

In toàn trên giấy Vergé bouffant. Giá: 2$50

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT

49, Rue du Takou, Hanoi

CẢI CHÍNH

Số 23 vừa rồi, về mục Danh văn Ngoại quốc, nhiều chỗ sắp chữ nhầm. Nay xin đính chính như sau:

Trang. — 16 - 17.

Cuối dòng 2: Hai chữ « diễn giảng » đã in nhầm là diệu giảng

Giữa dòng 5: Sau chữ « tiết điệu » sót mất dấu (.) chấm ngắt câu.

Đầu dòng 12: Sau chữ Lỗ Tấn xin đọc nốt... (1880-1936)

Trang 30 về bên trái

Đầu dòng 4: hai chữ « tiền truyện » xin đọc là: tiền tuyến.

Cuối dòng 17; Đầu hàng 18: Hai chữ luân lý xin đọc là: lý-luận

Đầu dòng 22: Sau hai chữ triết-học sót mất dấu (.)

Đầu dòng 24: Sau hai chữ thi-ca sót mất dấu (.)

Đầu dòng 25, trước hai chữ thời gian, in sót mất chữ người

Trang 30 về bên phải

Đầu dòng 3: Sau trận đấu chiến (1914...) ... xin đọc: sau trận Âu-chiến

Đầu dòng 5: chữ [illegible]isme in nhầm là cubisure.

Đầu dòng 23: Sau chữ « ngày trước » sót mất dấu (.)

Cuối dòng 24: Hai chữ « không thường » xin đọc thông thường

Đầu dong 27: Xin đọc: diễn những trạng thái tâm lý hoặc quan niệm triết lý của xã hội hiện thời

Đầu dòng 30: Hoạc phái xã hội xin đọc: hoặc phản xã hội.

đọc sách mới

Vũ Ngọc Phan *Nhà văn hiện đại* Tân-dân — Lê Thanh *Tú Mỡ* Cộng-lực.

***

« *Nhà văn hiện đại* » của ông Vũ Ngọc Phan là một cuốn sách phê bình sẽ được nhiều người chú ý vì một lẽ rất dản dị là các nhà văn có tên trong sách, chúng ta vẫn còn quen biết ít nhiều. Nếu các ngài muốn tìm được một thiên tài mới lạ bị người đời không biết đến thì các ngài sẽ thất vọng. Ông Vũ Ngọc Phan sẽ không phát minh; ông chỉ nói đến những văn phẩm « *đã được người đồng thời chú ý* ». Ông không hướng dẫn cho dư luận, ông đi theo dư luận. Bản ý của ông rất nhũn nhặn: định lại giá trị các tác phẩm yêu quý của độc giả hồi 1915-1930 theo những quan niệm về văn học của một số đông người Việt-nam 1942.

Sự đánh giá lại đó rất hợp lý vì tuy mới chỉ có hai, ba mươi năm thôi, mà tưởng chừng giữa các nhà văn lớp trước với chúng ta đã có ít nhiều cách biệt, không những về tư tưởng mà còn cả cách viết văn.

Người ta có thể mỉm cười khi nghe ông Nguyễn văn Vĩnh dùng giọng tuồng để dịch các cổ kịch pháp và dùng những lời nói chuyện của các nhân vật trong chuyện tây. Người ta có thể thú vị ngạc nhiên lúc thấy ông Phạm Quỳnh kính phục một cách sốt sắng tiểu thuyết và lý thuyết của ông Henri Bordeaux và Paul Bourget lúc nghe ông Nguyễn Bá Học lấy « *hữu dụng* » và « *vô dụng* » để xếp đặt các loại văn. Nhưng ai có thể chối rằng mình không vui thích vì những đoạn chuyện lanh lợi, nhẹ nhõm, rí rỏm của Tân Nam Tử, những bản dịch già dặn, đanh thép của Bưu Văn, những bài khảo cứu sáng sủa, rành rọt, trang nghiêm của Thượng Chi. Và hẳn ta vẫn nhớ ơn những bài văn dịch và khảo cứu văn hóa Tàu của Nguyễn hữu Tiến và Nguyễn Trọng Thuật; ta vẫn còn có thể rung theo nhịp đàn Tực Phố và Đông Hồ.

Người sắc mắc có thể trách rằng nhóm nhà văn lớp trước thiếu trí sáng tạo và trí tưởng tượng. Nhưng cũng phải nên nghĩ rằng các nhà văn hồi đó tinh thần chưa định, trí còn hoang mang, có thể ví với đàn chim non lần đầu tiên thả vào quãng không chóng mặt. Nhà nho vẫn còn ở trên đầu bầu giời lồng lộng của văn hóa Tàu, dù văn hóa đó có thêm chút Khang, Lương và bực tây học thì chỉ mới kịp kinh ngạc vì biển rộng bao la của văn hóa Âu tây trước mặt. Nhặt lấy cho nhiều đã, hái lấy cho đầy túi hãng hay. Tâm lý các nhà văn hồi đó là như thế nên văn dịch và khảo cứu thật nhiều.

Và vì thế tôi tưởng không ai xứng đáng hơn ô V. N. P. để nói đến nhóm Nam phong và nhóm Đông Dương Tạp Chí. Vũ quân đã tìm thấy cái khí hậu thích hợp với mình vì từ trước đến nay ông vẫn chuyên dịch sách, lúc này là lúc ông có thể đem kinh nghiệm để phê bình Cho nên ông bàn vá *chỉ* bàn về cách dịch văn của các nhà văn lớp trước một cách sác đáng vô cùng. Ông bỏ lối phê bình đại cương mà dùng lối phân tích tỉ mỉ. Lối phê bình đó — vốn để dạy học thì rất tốt — có một thú riêng nhưng lại có cái hại là làm tác giả phải nhắc đi nhắc lại một ý kiến và để cho độc giả có cảm giác rằng ô. Phan không bao quát được hết văn nghiệp của người ông định nói.

Nhưng dù thế nào cuốn sách của ô. V. N. P. tất cũng để lại trong lòng độc giả vô cùng hứng thú.

-Cuốn *Tú mỡ* của ô.Lê Thanh cũng là một cuốn phê bình gồm có một bài phỏng vấn về thủa nhỏ và thủa trẻ của thi sĩ Hồ Trọng Hiếu, trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn Bình phẩm một nhà văn đương thời là một sự khó vì nhà văn còn đang tiến, khó hạn lượng được sức bay nhẩy. Vả lại có nhiều điều nói ra cần phải thận trọng. Ông Lê Thanh vì quá thận trọng nên lời bình phẩm của ông thiếu bề sâu sắc, và trong hai đoạn sách, — một đoạn phỏng vấn về cuộc đời văn chương của Tú-mỡ với một đoạn phê bình — thì đoạn trên lại còn đáng để ý hơn nhiều (vì chúng ta ai chẳng có tính tò mò).

Nhưng cách viết văn của ông Lê Thanh có một lối đặc sắc, là ông trích những bài thơ của Tú-Mỡ nhiều quá và nhất là văn của ông gồm những câu rất ngắn, phần nhiều cứ hết một câu lại xuống giòng. Tả dáng hình Tú-Mỡ ông viết rằng:

« Tôi muốn nhắc lại đây hình ảnh Tú Mỡ mà tôi đã ghi được khi tôi lại thăm ông ở biệt thự riêng của ông.

Một cái đầu khá to làm to thêm bởi một bộ tóc cứng cỏi.

Cái đầu đặt chồng chềnh trên một cái cổ thừa nhiều da, thiếu nhiều mỡ cắm trên cái thân « vừa cao dong dỏng lại gầy gầy.»

Tôi trông thấy ông *vân vân*...»

Lối văn đặc biệt đó không nghẹ quen tất khó chịu và người ta có cảm giác rằng lối văn đó bị ảnh hưởng của tờ giao kèo xuất bản.

L. H. V.

KHUYÊN BẠN

(Tiếp theo trang 24)

đủ bổn-phận hiện-tại, để sửa-soạn đi tới cái khác. Đời bao giờ cũng cần có những người biết trọng phẩm-giá, có lòng tự-ái trong sự làm tròn bổn-phận. Một địa-vị tốt-đẹp hơn nữa đương đợi bạn kia, nhưng bạn phải tỏ ra cái công việc hiện-tại kia đối với bạn nó không thấm-tháp gì.

NGUYỄN-VĂN-HÀ dịch
(Saigon)

TUẦN BÁO ĐÀN BÀ

Là bạn thiết của tất cả các bạn gái.

Là món quà quý để các bậc cha mẹ cho con, các ông chồng tặng bà vợ, các anh trai tặng các em gái.

Tờ báo phụ nữ độc nhất ở Đông Dương hiện thời, toàn do các bạn gái chủ trương.

Giá báo 1 năm: 6p.00, 6 th. 3p.00, 3 th. 1p.60

Mandat mua báo gửi cho:

Mme THỤY AN, Journal Đàn Bà

76, Wiélé — Hanoi

HỘP THƯ

Về 2 cuộc thi nhân kỳ triển lãm sách báo của nhà sách Minh-đức Thái bình. — Chúng tôi vừa được tin nhà sách Minh-đức cho chúng tôi biết đã chấm xong 2 cuộc thi: phần người lớn và trẻ em nhân kỳ tổ chức cuộc triển lãm sách báo tại Thai-bình từ 30-8 đến 30-9-42 vừa qua.

Kết quả mỹ mãn.

Báo Thanh-nghị in lại những số cũ. — Nhiều bạn hỏi in lại những số nào. Xin giả nhời chung: từ số 1 đến số 15.

Ô. Lê đặng Côn (Cần thơ) T. N. những số cũ chỉ còn số 9 số tết Nhâm-ngọ) và số 14.

Ô. Phan nguyên Đạm Nghệ-an). Xin gửi cho bản nguyên văn của tác giả về bài dịch «Bất diệt».

Có nhiều bạn mua năm trách chúng tôi không gửi báo ngay cho khi nhận được thư mua báo. Xin các ngài biết cho rằng chúng tôi phải đợi để gửi cùng với báo mỗi kỳ xuất bản vì gửi riêng phải mất những 0$04 tem.

Nhiều ngài lại trách không nhận được báo. Báo gửi rất đều, nếu có mất chỉ lỗi nhà giây thép. Chúng tôi muốn sòng phẳng nhưng còn phải tùy các nhân viên sở bưu chính định.

ĐÃ CÓ BÁN:

TRÊN ĐƯỜNG NGHỆ THUẬT

Văn học bình luận *của Vũ ngọc Phan*

Muốn viết quốc văn giỏi, muốn thành văn sĩ, muốn trở nên một độc giả sành sỏi, phải đọc cuốn này. Dày 200 trang giá: **1$50**

MỚI CÓ BÁN:

BÀ QUẬN MỸ

Lịch sử tiểu thuyết của *Chu Thiên* tác giả «Bút Nghiên». Dày 180 trang giá **1$00**

TẬP KIỀU

Tập văn giá trị của *Tú Poanh* có 8 phụ bản của họa sĩ Nguyễn đức Nùng:

Giá đặc biệt: **1$00**

CUỐI NĂM NHÂM-NGỌ:

Nhà Nguyễn Du sẽ trình bày cùng các bạn yêu thơ, tập:

Thu

Thơ của Đỗ cẩm Văn

«Thu» là cả một bản đàn tha thiết, âm điệu tân kỳ.

«Thu» tập thơ đầu tiên của một nhà thi sĩ có nguồn cảm hưng riêng biệt.

«Thu» cuốn sách đầu trong loại sách «Đẹp» của nhà Nguyễn Du.

Bản thường: 5$0 Bản quý: **8$00**

NHÀ XUẤT BẢN NGUYỄN DU

Dư'ơng 206 bis số 11, Hanoi

KẾT QUẢ HAI KỲ THI NHÂN

TRIỂN LÃM SÁCH BÁO CỦA
NHÀ SÁCH MINH-ĐỨC

97-99, *PHỐ CHÍNH,* **THAIBINH** *TỔ CHỨC TỪ* **30-8** *đến* **30-9-42**

Ban chấm thi của nhà sách **Minh-Đức** đã ấn định kết quả hai cuộc thi :

Về cuộc thi **phần người lớn** gồm có 15 giải bằng sách báo truyện của nhà sách **Minh-Đức**, các nhà xuất bản như Đời-nay, Mai-lĩnh, Tân dân, Hàn-thuyên, Hương-sơn, Đời-mới, Cộng-lực, Tân-việt, Duy-tân, Kiến-thiết, Đông-phương, Viễn-đệ (Huế), Lục (Saigon), Tuần báo Đàn-bà và Duy-tân Nguyễn danh Mỹ dit mỹ thắng...

Kết quả về thi sách có lối trình bầy mỹ thuật. — Nhất về sách của nhà Đời-nay. Nhì nhà xuất bản Tân-dân. Ba Mới. Tư Mai-lĩnh. Năm Hàn-thuyên. Sáu Tân-việt v. v...

Kết quả về bài thơ ghép các nhan đề các cuốn tiểu thuyết. — Bài thơ của ông **Phan huy Hồng** *119 bis Paul Doumer, Thái-bình* được ban chấm thi của nhà sách Minh-Đức so nhất với các bài thi khác gửi về dự thí.

Dưới đây xin đăng nguyên văn của tác giả :

Ngày thu tiễn biệt

Nắng thu sáng láng đầy trời
Gió thu vi vút từng hơi *lạnh lùng.*
Sông chia *hai ngả* mênh mông
Biệt nhau *đôi bạn* ngại ngùng chia tay.
Chợp chờn *bướm trắng* tung bay
Càng thêm nỗi nhớ *những ngày vui xưa.*

Giải nhất. — Ông Phan huy Hồng 119, Paul Doumer Thái-bình được : 2 bộ sách của Tản-Đà phần văn vần và văn xuôi của nhà sách **Minh-Đức** giấy thường đó làng Nghè của nhà xuất bản **Đời-nay** tặng. Trị giá tất cả. . . . . **40$00**

Giải nhì. — Ông Song An 30, rue Miribel Thái-bình được 4 cuốn sách sử học văn học của nhà xuất bản **Mai-lĩnh** bằng giấy đó đặc biệt. Trị giá. . . . . **25$00**

Giải ba. — Ông Phạm khắc Thực làng Sơn-hạ, phủ Kiến-xương Thái-bình được 6 cuốn sách của chà **Hàn-thuyên**, 6 cuốn truyện của nhà **Tân dân** và 10 cuốn sách của nhà xuất bản **Hương-sơn** tặng. Trị giá tất cả. . . . . **20$00**

Còn từ giải thứ tư đến giải thứ 15 đều có bảng kê rõ ràng dán tại nhà sách Minh-Đức, 97, Phố Chính, Thái-bình. Mỗi giải trị giá từ **3$00** đến **10$00.**

Về cuộc thi phần trẻ em gồm có 28 giải. — 1 giải của nhà **Minh-Đức.** — 2 giải của nhà báo **Thanh-Nghị** phần văn mới. — 3 giải Cộng-Lực. — 6 giải Hàn-thuyên. — 5 giải Kiến-Thiết. — 1 giải **Đông-phương.** — 2 giải Đời-Mới. — 1 giải Duy-Tân. — 1 giải Tân-Dân. — 1 giải Đàn-Bà và 5 giải nhà xuất bản Sông Thương.

Kết quả cuộc thi về loại giải trí : Nhất loại giải trí của Hàn-Thuyên.

Kết quả về loại [illegible]-đồng: Nhất loại báo Truyền-bá. Nhì loại sách hồng. Ba loại sách Hoa mai.

Kết quả sách [illegible]ủa mỗi loại : Tráng sĩ bồ đề (giải trí Hàn-thuyên).

Phần thưởng danh dự (Truyền bá). Ông đồ bể (sách hồng). Con sáo trắng (Hoa mai). Ông bụt chùa vàng (Hoa xuân). Đồng xu kể truyện mình (Nhi-đồng họa bản). Giết hổ báo thù cha (loại gia đình).

Giải nhất. — Cậu Nguyễn như Vũ 271 J. Piquet Thái-bình được 4 hộp vở ông nghè của nhà sách Minh-Đức tặng, và 12 cuốn sách truyền bá.

Còn giải nhì đến giải thứ 28 đều có bản kê dán tại nhà sách **Minh-Đức**, bắt đầu lĩnh giải từ 1er Novembre đến 80-11-1942. Các bạn ở xa đều có thơ báo tin nếu bạn nào trúng giải.

Directeur gérant : VŨ ĐÌNH HÒE — Fondateur : Doãn Kế Thiện — Imp. TRUNG-BẮC — Hanoi